

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC



DỰ ÁN ĐẦU TƯ
NÂNG CẤP DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT
VÀ BẢO QUẢN MÁY BIẾN THỂ

Địa điểm : Tp.Hồ Chí Minh

Đơn vị tư vấn: Công ty CP Tư Vấn Đầu Tư Thảo Nguyên Xanh

Tp.Hồ Chí Minh - Tháng 12 năm 2011

NỘI DUNG

CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHỦ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN.....	3
I.1. Giới thiệu chủ đầu tư.....	3
I.2. Mô tả sơ bộ dự án.....	3
I.3. Cơ sở pháp lý triển khai dự án	3
CHƯƠNG II: TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG.....	5
II.1. Tổng quan nền kinh tế Việt Nam.....	5
II.2. Thị trường thiết bị điện Việt Nam	6
II.2.1. Tổng quan thị trường thiết bị điện Việt Nam	6
II.2.2. Thuận lợi	8
II.2.3. Khó khăn	8
II.3. Triển vọng thị trường thiết bị điện.....	8
CHƯƠNG III: TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH	10
III.1. Báo cáo tình hình kinh doanh.....	10
III.1.1. Thuận lợi.....	10
III.1.2. Khó khăn.....	10
III.2. Kế hoạch kinh doanh năm tới.....	11
CHƯƠNG IV: SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐẦU TƯ	13
IV.1. Mục tiêu dự án.....	13
IV.2. Sự cần thiết phải đầu tư	13
CHƯƠNG V: PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ.....	15
V.1. Điều kiện tự nhiên	15
V.1.1. Vị trí địa lý.....	15
V.1.2. Địa hình	15
V.1.3. Khí hậu.....	15
V.1.4. Điều kiện thủy văn.....	15
V.2. Hiện trạng sử dụng đất.....	15
V.3. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật.....	15
V.3.1. Hiện trạng giao thông	15
V.3.2. Hiện trạng cấp điện.....	16
V.3.3. Hệ thống cấp – thoát nước.....	16
V.3.4. Thông tin liên lạc	16
V.4. Nhận xét chung	16
CHƯƠNG VI: QUY MÔ CÔNG SUẤT DỰ ÁN.....	17
VI.1. Quy mô công suất.....	17
VI.1.1. Hình thức đầu tư.....	17
VI.1.2. Phương thức đầu tư	17
VI.2. Công trình trên đất.....	17
VI.2.1. Công trình trên đất hiện có.....	17
VI.2.2. Công trình xây dựng mới	17
VI.3. Dây chuyền sản xuất.....	18
VI.4. Quy trình công nghệ chế tạo máy biến thế.....	19
VI.5. Phương án vận chuyển và bảo quản máy biến thế	19
VI.5.1. Vận chuyển.....	19

VI.5.2. Bóc dỡ	19
VI.5.3. Kiểm tra khi nhận máy	19
VI.5.4. Bảo quản	19
CHƯƠNG VII: CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY NHÂN SỰ	20
VII.1. Sơ đồ bộ máy quản lý	20
VII.2. Cơ cấu quản lý và bộ phận nhân sự	21
VII.2.1. Hội đồng quản trị	21
VII.2.2. Ban kiểm soát	21
VII.2.3. Giám Đốc điều hành	21
VII.2.4. Đại diện Lãnh đạo	22
VII.2.5. Các Phòng - Ban chức năng	22
VII.2.6. Các Phân xưởng sản xuất	24
CHƯƠNG VIII: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	26
VIII.1. Giới thiệu chung	26
VIII.2. Đánh giá tác động môi trường	26
VII.2.1 Bụi từ quy trình sản xuất	26
VII.2.2 Bụi và khí thải từ hoạt động giao thông vận tải	26
VII.2.3 Tiếng ồn và rung động từ quá trình hoạt động	26
VII.2.4. Nước thải	27
VII.2.5. Chất thải rắn	27
VIII.3. Biện pháp giảm thiểu tác động của dự án đến môi trường	28
VIII.3.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng	28
VIII.3.2. Giai đoạn hoạt động của dự án	29
VII.3.3. Quản lý chất thải có chứa hoặc nhiễm PCB	30
CHƯƠNG IX: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN	31
IX.1. Cơ sở pháp lý lập tổng mức đầu tư	31
IX.2. Tổng mức vốn đầu tư ban đầu	31
IX.2.1 Nội dung	31
IX.2.2 Kết quả tổng mức đầu tư của dự án	33
CHƯƠNG X: NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN	35
X.1. Cấu trúc nguồn vốn và phân bổ vốn đầu tư	35
X.2. Tiến độ thực hiện và sử dụng vốn của dự án	35
X.3. Nguồn vốn thực hiện dự án	36
X.4. Đánh giá ảnh hưởng kinh tế - xã hội	36
CHƯƠNG XI: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	37
XI.1. Kết luận	37
XI.2. Kiến nghị	37

CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHỦ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN

I.1. Giới thiệu chủ đầu tư

- Tên Doanh nghiệp:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:
- Ngày cấp lần 1:
- Ngày cấp lần 2:
- Nơi cấp:
- Trụ sở công ty: Tp.Hồ Chí Minh
- Đại diện pháp luật công ty:
- Chức vụ : Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

I.2. Mô tả sơ bộ dự án

- Tên dự án: Đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất và Bảo quản máy biến thế
- Địa điểm: Tp. Hồ Chí Minh
- Hình thức đầu tư: Đầu tư mới

I.3. Cơ sở pháp lý triển khai dự án

Các văn bản pháp qui về quản lý đầu tư:

- ✓ Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- ✓ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- ✓ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- ✓ Luật Nhà ở 56/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- ✓ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- ✓ Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- ✓ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- ✓ Luật thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- ✓ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về việc Quản lý chất lượng công trình xây dựng và Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/04/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 2009/2004/NĐ-CP;
- ✓ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về việc Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
- ✓ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình .

Dự án: Đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất và Bảo quản máy biến thế

- ✓ Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính Phủ về thuế thu nhập doanh nghiệp;
- ✓ Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 của Chính phủ Qui định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng;
- ✓ Nghị định 140/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 11 năm 2006 quy định việc bảo vệ môi trường trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển;
- ✓ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- ✓ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/08/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- ✓ Thông tư số 12/2008/TT-BXD ngày 07/05/2008 của Bộ xây dựng hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí khảo sát xây dựng;
- ✓ Thông tư số 05/2009/TT-BXD ngày 15/04/2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình;
- ✓ Công văn số 1777/BXD-VP ngày 16/08/2007 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức dự toán xây dựng công trình - Phần lắp đặt hệ thống điện trong công trình, ống và phụ tùng ống, bảo ôn đường ống, phụ tùng và thiết bị khai thác nước ngầm;
- ✓ Công văn số 1779/BXD-VP ngày 16/08/2007 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức dự toán xây dựng công trình - Phần Khảo sát xây dựng;
- ✓ Thông tư số 08/2006/TT-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;
- ✓ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về việc Quản lý chất lượng công trình xây dựng và Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/04/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 2009/2004/NĐ-CP;
- ✓ Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/06/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- ✓ Quyết định số 872/QĐ-EVN ngày 12/9/2011 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy định giám sát và đánh giá đầu tư.
- ✓ Quyết định số 559/QĐ-EVN ngày 12/9/2011 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về ban hành Quy chế về công tác đấu thầu trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- ✓ Quyết định số 546/QĐ-EVN ngày 6/9/2011 về việc ban hành Quy chế quản lý và bảo vệ môi trường trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- ✓ Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng kèm theo Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng;
- ✓ Các văn bản khác của Nhà nước liên quan đến lập Tổng mức đầu tư, tổng dự toán và dự toán công trình.

CHƯƠNG II: TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

II.1. Tổng quan nền kinh tế Việt Nam

Trong điều kiện sản xuất, kinh doanh gặp nhiều khó khăn do lạm phát cao, các ngành, các cấp, các địa phương, doanh nghiệp và Tập đoàn kinh tế tiếp tục thực hiện nghiêm và đồng bộ Nghị quyết 11 của Chính phủ, đồng thời tăng cường nâng cao tính chủ động, sáng tạo nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì mức tăng trưởng hợp lý và từng bước bảo đảm an sinh xã hội. Kết quả đạt được của các ngành, lĩnh vực kinh tế-xã hội chủ yếu tháng 09 và chín tháng năm 2011 cụ thể như sau:

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) chín tháng năm 2011 ước tính tăng 5,76% so với cùng kỳ năm 2010. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,39%, đóng góp 0,39 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6,62%, đóng góp 2,76 điểm phần trăm, khu vực dịch vụ tăng 6,24%, đóng góp 2,61 điểm phần trăm.

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản chín tháng năm 2011 theo giá so sánh 1994 ước tính tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Nông nghiệp tăng 3,7%; lâm nghiệp tăng 4%; thủy sản tăng 5,2%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 9/2011 tăng 2,1% so với tháng trước và tăng 12% so với cùng kỳ năm 2010. Chỉ số sản xuất công nghiệp chín tháng năm nay tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Công nghiệp khai thác mỏ tăng 0,8%; công nghiệp chế biến tăng 10,7%; sản xuất, phân phối điện, ga, nước tăng 9,6%.

Tổng mức hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng chín tháng năm 2011 ước tính tăng 22,8% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá thì tăng 3,9%. Trong tổng mức hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng chín tháng, kinh doanh thương nghiệp chiếm 79,1% và tăng 23,1% so với cùng kỳ năm 2010; khách sạn, nhà hàng chiếm 10,9% và tăng 21,9%; dịch vụ chiếm 9,0% và tăng 22,2%; du lịch chiếm 1% và tăng 16,6%.

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện chín tháng năm nay theo giá thực tế ước tính đạt 679,9 nghìn tỷ đồng, tăng 12,8% so với cùng kỳ năm trước[1] và bằng 39,8% GDP, bao gồm vốn khu vực Nhà nước 243,9 nghìn tỷ đồng, tăng 7,5%; khu vực ngoài Nhà nước 264,1 nghìn tỷ đồng, tăng 19%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 171,9 nghìn tỷ đồng, tăng 11,6%.

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến 15/9/2011 ước tính đạt 467,1 nghìn tỷ đồng, bằng 78,5% dự toán năm, trong đó thu nội địa 284,4 nghìn tỷ đồng, bằng 74,5%; thu từ dầu thô 71,5 nghìn tỷ đồng, bằng 103,2%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu 107,3 nghìn tỷ đồng, bằng 77,4%. Trong thu nội địa, thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước bằng 68,2% dự toán năm; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) bằng 67,7%; thu thuế công, thương nghiệp và dịch vụ ngoài nhà nước bằng 74,8%; thuế thu nhập cá nhân bằng 91,7%; thu phí xăng dầu bằng 64,6%; thu phí, lệ phí bằng 63%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến 15 tháng 9 năm 2011 ước tính đạt 511,6 nghìn tỷ đồng, bằng 70,5% dự toán năm, trong đó chi đầu tư phát triển 108,2 nghìn tỷ đồng, bằng 71,2% (riêng chi đầu tư xây dựng cơ bản 101,5 nghìn tỷ đồng, bằng 69,9%); chi phát triển sự nghiệp kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể 334,7 nghìn tỷ đồng, bằng 71,3%; chi trả nợ và viện trợ 68,7 nghìn tỷ đồng, bằng 79,9%.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng Chín ước tính đạt 8,3 tỷ USD, giảm 10,2% so với tháng trước và tăng 33,6% so với cùng kỳ năm 2010. Tính chung chín tháng năm 2011, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu đạt 70 tỷ USD, tăng 35.4% so với cùng kỳ năm trước.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 9/2011 ước tính đạt 9.3 tỷ USD, giảm 3.6% so với tháng trước và tăng 31% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung chín tháng năm 2011, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu đạt 76.9 tỷ USD, tăng 26.9% so với cùng kỳ năm 2010. Trong cơ cấu hàng hóa nhập khẩu chín tháng năm 2011, máy móc thiết bị chiếm 27.3%; nhóm nguyên nhiên vật liệu chiếm 63.3%; nhập khẩu hàng tiêu dùng chiếm 7.7%; vàng chiếm 1.7%.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 9/2011 tăng 0.82% so với tháng trước, mức tăng chỉ số giá đã có xu hướng giảm. Chỉ số giá tháng này tăng chủ yếu do tác động của nhóm giáo dục có chỉ số giá tăng cao với mức 8.62%. Chỉ số giá của các nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng thấp ở mức dưới 1% hoặc giảm gồm: May mặc, mũ nón, giày dép tăng 0.92%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0.62%; đồ uống và thuốc lá tăng 0.59%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0.51%; nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0.37%; hai nhóm thuốc và dịch vụ y tế; hàng ăn và dịch vụ ăn uống đều tăng 0.28% (trong đó, lương thực tăng 1.53%; thực phẩm giảm 0.28%; ăn uống ngoài gia đình tăng 0.9%); giao thông giảm 0.24%; bưu chính viễn thông giảm 0.07%.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 9/2011 tăng 16.63% so với tháng 12/2010 và tăng 22.42% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân chín tháng năm 2011 tăng 18.16% so với bình quân cùng kỳ năm 2010.

II.2. Thị trường thiết bị điện Việt Nam

II.2.1. Tổng quan thị trường thiết bị điện Việt Nam

Nắm bắt được những cơ hội lớn cũng như tham vọng nâng cao khả năng cạnh tranh của các mặt hàng thiết bị điện trong những năm qua, nhiều doanh nghiệp Việt Nam đang nắm giữ khoảng 70% thị trường thiết bị điện, còn lại chủ yếu là hàng cao cấp từ nước ngoài, hàng xuất xứ Trung Quốc và các nước lân cận. Các doanh nghiệp điển hình như Công ty cổ phần bóng đèn Điện Quang (DQC) có 60% thị phần trong thị trường thiết bị chiếu sáng tại Việt Nam. Năm 2010, doanh thu thuần hợp nhất của DQC đạt 583 tỷ đồng, tăng trưởng 25.25% so với kết quả thực hiện năm 2009. Trong đó, doanh thu nội địa đạt 372 tỷ đồng tăng trưởng 8.66% so với năm 2009, doanh thu xuất khẩu đạt 211 tỷ đồng tăng trưởng 65.92% so với năm 2009. Hay như Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Nam (Cadivi) chiếm ngôi đầu trong thị trường dây cáp điện và cũng xuất khẩu sang nhiều thị trường, năm 2010 doanh thu thuần của Cadivi đạt 2,339.71 tỷ đồng, tăng 41.6% so với năm trước. Trong năm 2011, thị trường thiết bị điện đang có xu hướng chuyển sang sử dụng các sản phẩm chất lượng cao ngoại nhập, khiến các doanh nghiệp trong nước buộc phải thay đổi phương thức sản xuất, kinh doanh để giữ vững sân nhà.

Riêng về thị trường máy biến thế: Hệ thống lưới điện truyền tải và phân phối có vai trò đặc biệt quan trọng trong hệ thống lưới điện quốc gia. Trong hệ thống huyết mạch đó, các máy biến thế truyền tải được lắp đặt ở các trạm truyền tải điện có nhiệm vụ hết sức quan trọng là thay đổi điện áp đầu ra xuống cấp điện áp trung gian 15.22 hoặc 35KV. Hệ thống lưới điện phân phối sử dụng các máy biến thế phân phối chuyển các cấp điện áp trung gian này xuống cấp điện áp 380V, 220V phục vụ cho các ngành công nghiệp và điện sinh hoạt. Trước kia các máy biến thế truyền tải này còn phải nhập từ nước ngoài thì nay với sự phát

Dự án: Đầu tư nâng cấp dây chuyên sản xuất và Bảo quản máy biến thế

triển của ngành thiết bị điện trong nước, các máy biến thế truyền tải 110 KV, 220 KV đã được sản xuất trong nước, chủ yếu từ 2 doanh nghiệp nhà nước thuộc ngành điện là - Công ty Thiết bị điện Đông Anh và Công ty vốn nước ngoài là Công ty ABB.

Căn cứ vào tình hình phát triển phụ tải mỗi năm trên 10%, tốc độ phát triển của kinh tế Việt Nam và Quy hoạch điện VII (Ngày 21 tháng 7 năm 2011, Thủ Tướng Chính phủ đã ban hành quyết định số 1208/QĐ-TTg về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030) đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt thì nhu cầu sử dụng vật tư, thiết bị của ngành điện trong các năm 2000-2010 và các năm tiếp theo là rất lớn.

Với mục tiêu phát triển của Quy hoạch điện VII trong giai đoạn tới của Thủ tướng Chính phủ như sau:

- Cung cấp đủ nhu cầu điện trong nước, sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu năm 2015 khoảng 194-210 tỷ kWh; năm 2020 khoảng 330-362 tỷ kWh, năm 2030 khoảng 695-834 tỷ kWh.

- Ưu tiên phát triển nguồn năng lượng tái tạo cho sản xuất điện, tăng tỷ lệ điện năng sản xuất từ nguồn năng lượng này từ mức 3,5% năm 2010 lên 4,5% năm 2020 và 6,0% năm 2030 tổng điện năng sản xuất.

- Giảm hệ số đàn hồi điện/GDP từ bình quân 2,0 hiện nay xuống còn bằng 1,5 vào năm 2015 và còn 1,0 vào năm 2020.

- Đẩy nhanh chương trình điện khí hóa nông thôn, miền núi, hải đảo đảm bảo đến năm 2020 hầu hết số hộ dân nông thôn có điện.

Hiện nay, nhiều Công ty điện đã và đang được xây dựng để cung cấp nguồn điện cho lưới điện quốc gia, trong đó Công ty Thủy điện Hòa Bình đang khai thác 1,920MW, Công ty Thủy điện Yaly đã khai thác 720MW, Công ty Điện Phú Mỹ 1: 1,090MW, Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ 3:720MW, Công ty Nhiệt điện Phả Lại 2: 600MW, Công ty Thủy điện Sơn La: 2400MW,... Đến năm 2010 đạt trên 17.000MVA.

Năm 2020, dự kiến tổng công suất các nhà máy điện khoảng 75000MW, trong đó thủy điện chiếm 23,1%, thủy điện tích năng 2,4%; nhiệt điện than 48%; nhiệt điện khí đốt 16,5% (trong đó LNG 2,6%); nguồn điện năng lượng tái tạo 5,6%; điện hạt nhân 1,3% và nhập khẩu 3,1%. Cơ cấu nguồn đến năm 2030 sẽ có sự thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng nhiệt điện Than (lên 51,6%), năng lượng tái tạo, điện hạt nhân và điện nhập khẩu từ nước ngoài.

Đồng bộ với chương trình phát triển nguồn điện là sự phát triển lưới điện quốc gia, bao gồm cả lưới điện 110KV, 220KV, 500KV và tương ứng là hệ thống phân phối đến hộ tiêu thụ. Nhu cầu sử dụng máy biến áp truyền tải và thiết bị điện được dự báo với các số liệu kể sau:

Nhu cầu về chủng loại số máy biến thế:

Đơn vị tính: Cái

Danh mục	Năm 2002 ÷ 2005	Năm 2006 ÷ 2010	Năm 2011 ÷ 2020	Năm 2002 ÷ 2020
MBA phân phối 22KV ÷ 35KV	53,270	52,340	125,540	231,150

Hiện nay, ở Việt Nam có các công ty chính sản xuất máy biến thế phân phối: Khu vực phía Bắc có các công ty chế tạo là ABB, Đông Anh, Hanaka, TKV. Khu vực phía Nam có các công ty là THIBIDI, Thụy Lâm và EMC.

Đối với máy biến thế truyền tải, Khu vực phía Bắc có 2 công ty chế tạo là Công ty chế tạo biến thế ABB, Công ty chế tạo thiết bị điện Đông Anh. Khu vực phía Nam chỉ có EMC là có năng lực chế tạo các máy biến thế truyền tải.

II.2.2. Thuận lợi

Hiện nay, ngành thiết bị điện Việt Nam đã được Chính phủ ban hành nhiều quyết định nhằm hỗ trợ, đầu tư cho ngành ngày càng phát triển đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước cũng như xuất khẩu, mang lại kim ngạch xuất khẩu cao cho quốc gia.

Quyết định số 10/2009/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành thông qua cơ chế hỗ trợ các [dự án](#) đầu tư sản xuất thiết bị cho các Công ty thủy điện, nhiệt điện, các sản phẩm như máy biến áp từ 220KVA trở lên, toàn bộ phần thiết bị trạm biến áp từ 220 KV trở lên được hưởng các chính sách ưu đãi về tín dụng đầu tư, kích cầu, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, về thuế phí... Hai quyết định này là cơ sở pháp lý quan trọng để phát triển ngành thiết bị điện Việt Nam.

Những chính sách ưu đãi của Quyết định 10/2009/QĐ-TTg sẽ tạo ra những cơ hội cho các doanh nghiệp ngành thiết bị điện Việt Nam trong việc nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước.

II.2.3. Khó khăn

Mặc dù Việt Nam đã có những thành tích đáng kể trong việc chế tạo các thiết bị ngành điện, nhưng vẫn đang gặp phải nhiều khó khăn, thách thức trong quá trình phát triển. Đó là thiếu vốn để đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ và đầu tư mới, thiếu lực lượng nghiên cứu phát triển, đội ngũ thiết kế còn thiếu kinh nghiệm, thiếu các công trình sư hoặc kỹ sư trưởng cho các dự án chế tạo thiết bị toàn bộ cho Công ty điện, thiếu lực lượng công nhân có tay nghề cao để tham gia chế tạo thiết bị Công ty điện.

Hơn thế nữa, hệ thống điện nước ta đang đối mặt với thực trạng cung ít hơn cầu vì đòi hỏi cao của thị trường, sự chiếm lĩnh của các sản phẩm nhập khẩu ngày càng lớn. Vì vậy, để đạt được kế hoạch đặt ra cho thị trường các sản phẩm thiết bị điện thì thách thức là rất lớn.

II.3. Triển vọng thị trường thiết bị điện

Mục tiêu của ngành điện Việt Nam giai đoạn 2010-2025 là ưu tiên sản xuất máy biến thế khô cấp trung thế và máy biến thế truyền tải cấp 110KV, 220KV, các loại máy biến thế đến 250MVA-220KV; đáp ứng 50-60% nhu cầu máy biến thế 110 KV-220 KV vào năm 2015; phát triển động cơ công suất lớn, động cơ cao áp và máy phát thủy điện đến 50MW; đảm bảo 55 - 65% nhu cầu trong nước vào năm 2015, xuất khẩu đạt 35 - 40% giá trị sản xuất của nhóm ngành; đầu tư sản xuất các loại công tơ điện tử, các loại khí cụ điện, các hệ thống đo đếm, giám sát, an toàn lưới điện, khí cụ điện cấp trung và cao thế, tủ, bảng điện và trọn bộ thiết bị trạm điện.

Định hướng phát triển ngành chế tạo thiết bị điện Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 186/QĐ-TTg. Cụ thể là xây dựng ngành sản xuất thiết bị điện hiện đại, đến năm 2020 đạt trình độ tiên tiến trong khu vực về công nghiệp thiết bị điện và vật liệu điện, đầu tư mới, đầu tư chiều sâu thiết bị điện với công nghệ tiên tiến để nhanh chóng nâng cao năng lực chế tạo thiết bị điện, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, đáp ứng phần lớn nhu cầu trong nước, thay thế các thiết bị nhập khẩu, đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm ra thị trường khu vực và thế giới. Trước mắt cần đầu tư chiều sâu và mở rộng sản xuất của các cơ

Dự án: Đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất và Bảo quản máy biến thế

sở hiện có để có thể sản xuất được các loại biến áp lớn đến 125 MVA, điện áp 220 kV, các thiết bị phân phối, truyền dẫn cho ngành điện lực, thiết bị áp lực và các thiết bị điện khác cho ngành công nghiệp và dân dụng.

Mục tiêu đến năm 2015 là tập trung sản xuất các loại dây, cáp điện chất lượng cao, đảm bảo kim ngạch xuất khẩu tăng 35.5% /năm; sản xuất các phụ kiện đường dây, đặc biệt là phụ kiện cho đường dây cao thế đến 220kV, phục vụ cho chương trình phát triển lưới điện quốc gia.

CHƯƠNG III: TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

III.1. Báo cáo tình hình kinh doanh

Qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2010 của , tổng doanh thu về bán hàng, hoạt động tài chính và thu nhập khác là 316.238 tỷ đồng. Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu là 16.85%.

III.1.1. Thuận lợi

So với năm 2009, trong năm 2010 Công ty thực hiện kế hoạch kinh doanh bán hàng tốt hơn (307/288 tỷ của năm 2009). Tuy kết quả doanh thu thực tế đến ngày 31/12/2010 có thấp hơn dự kiến so với kế hoạch từ đầu năm, do một phần doanh thu còn lại của hai công trình An Khê và Sông Tranh 2 chưa được chủ đầu tư thanh toán kịp thời (15 tỷ), nhưng năm 2010 Công ty vẫn đảm bảo đạt mức lợi nhuận kế hoạch đã được Đại Hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Cụ thể về kết quả doanh thu: Trong năm 2010, đã cung cấp: 3,154 máy biến áp phân phối 1 pha, 3 pha các loại (so với 2009 chỉ cung cấp 2,654 máy) cho các Công ty Điện lực thuộc Tổng Công ty Điện lực 3 miền Bắc - Trung - Nam, các công ty TNHH, xây dựng- xây lắp Điện địa phương... Tổng giá trị phần doanh thu MBA phân phối tính đến 31/12/2010 là 192.46 tỷ (năm 2009 bán được 178.29 tỷ); cung cấp 06 máy biến áp lực- công suất 40- 63 MVA – 110KV, giá trị 65,48 tỷ đồng (Trong tổng số 12 máy biến áp đã ký hợp đồng trong 2010 - chuyển sang thực hiện tiếp trong năm 2011). Tổng giá trị hợp đồng chế tạo và sửa chữa 12MBA truyền tải đã được đăng kí cuối năm 2010 chuyển sang 2011 tiếp tục thực hiện là 90 tỷ đồng.

Hoàn tất công tác gia công lắp đặt 02 công trình, gia công hơn 1,000 tấn thiết bị cơ khí thủy công, 02 công trình: Công ty Thủy Điện Sông Tranh 2, An Khê - Kanak và tiếp tục triển khai thi công lắp đặt hơn 1.200 tấn thiết bị cơ khí thủy công công trình Công ty Thủy điện Huội Quảng (Lai Châu) cho các Ban Quản lý Dự án Điện Khu vực miền Trung, miền Bắc. Tổng giá trị 02 công trình này bao gồm cả phần thiết bị, vật tư và nhân công là hơn 120 tỷ đồng (riêng trong năm 2010, Công ty đã được chủ đầu tư thanh toán một phần cho 02 công trình An Khê, Sông Tranh 2 với số tiền là: 42.55 tỷ đồng).

Với những khối lượng công việc đã có hợp đồng như trên, trong năm 2010 và cả sang năm 2011, công ty đã và sẽ đảm bảo giải quyết đủ việc làm và thu nhập hàng tháng cho người lao động, với mức bình quân hơn 5.8 triệu đồng/người/tháng.

III.1.2. Khó khăn

Biến động giá cả vật tư trong những tháng đầu năm 2010 tăng cao (do lạm phát có chiều hướng xuất hiện trở lại), nhất là đối với những vật tư chiến lược như: dây đồng, sắt thép, tole silic, dầu cách điện nên đã ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh cả năm 2010.

Việc giải ngân các công trình xây dựng, xây lắp Trạm điện, xây dựng các Công ty Thủy điện mới... của các đơn vị trong Ngành còn chậm, nên đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả doanh thu, công tác thu hồi công nợ, luân chuyển vốn của Công ty trong điều kiện nguồn vốn của công ty hiện nay đang hạn hẹp, hoạt động kinh doanh chủ yếu phải vay vốn Ngân hàng để sản xuất, với lãi suất bình quân công ty đã vay trong cả năm 2010 là hơn 14%.

Việc thiếu cơ sở vật chất hạ tầng cũng đã ảnh hưởng lớn đến quá trình hoạt động sản xuất của công ty. Cụ thể, các kho thành phẩm bảo quản máy biến thế thiếu hụt và xuống cấp dẫn đến máy móc bị hoen gỉ, chất lượng giảm sút... Trước những mục tiêu phát triển của các thiết bị điện hiện nay, công ty không tránh khỏi những khó khăn vì điều kiện nhà xưởng sửa chữa hạn hẹp, thiếu thôn cơ sở vật chất và sản xuất không đúng tiến độ đáp ứng nhu cầu thị trường.

III.2. Kế hoạch kinh doanh năm tới

Với những hợp đồng kinh tế mà Công ty đã kí được cho đến tháng 3/2011 và việc duy trì mức sản xuất, cung cấp sản phẩm máy biến thế (chủ yếu là bán lẻ cho các Công ty Trách nhiệm Hữu hạn, xây dựng, xây lắp điện địa phương, bình quân với doanh thu dự kiến đạt được hàng tháng là từ 20 tỷ đồng/tháng, bên cạnh việc công ty sẽ tiếp tục tham gia dự thầu các hợp đồng cung cấp máy biến áp, sản phẩm cơ khí, máy phát điện Diesel,... của các đơn vị trong và ngoài ngành điện). Năm 2011, doanh thu đặt ra cho là 310 tỷ đồng, dự kiến năm 2012 nền kinh tế ổn định và trước những chính sách hỗ trợ của Chính phủ doanh thu sẽ cao hơn 2011.

Với những mục tiêu sản xuất kinh doanh lâu dài, vẫn đang từng bước thực hiện và hoàn thiện:

- Sản xuất và sửa chữa vật tư thiết bị ngành công nghiệp điện chất lượng cao.
- Phát triển và mở rộng Công ty ngày càng hiện đại tương đương với trình độ của khu vực và thế giới. Đáp ứng được yêu cầu cung cấp thiết bị điện và chương trình phát triển cơ khí điện lực của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đến năm 2020.
- Ngoài việc giữ ổn định thu nhập cho người lao động, Công ty còn phải bảo toàn và phát triển vốn sản xuất kinh doanh hàng năm, thực hiện tối đa hoá lợi nhuận và nâng cao mức chia cổ tức hàng năm cho cổ đông...

Mục tiêu cụ thể đối với từng lĩnh vực như sau:

- Đối với lĩnh vực chế tạo và sửa chữa máy biến áp: Hiện nay, lĩnh vực này chủ yếu do các cơ sở trong nước cung cấp. Tuy nhiên, theo lộ trình gia nhập AFTA, WTO khi Nhà nước thực hiện các chính sách miễn giảm thuế đối với hàng nhập khẩu, thì các sản phẩm thiết bị điện nhập khẩu từ các nước trong khu vực vào thị trường Việt Nam có thể sẽ trở thành một thách thức mới không nhỏ đối với các doanh nghiệp sản xuất trong nước.
- Đối với lĩnh vực gia công cơ khí, gia công phụ tùng thủy nhiệt điện và xây lắp các công trình điện dân dụng – công nghiệp: Sự cạnh tranh chủ yếu sẽ tập trung vào các sản phẩm cơ khí phục vụ trong ngành như trụ thép 500KV, 220 KV... Ngoài ra, theo Tập đoàn Điện lực Việt Nam, việc cung cấp các mặt hàng kết cấu của các Công ty Thủy, Nhiệt điện sẽ được thực hiện theo chính sách tổng thầu nhận gia công trọn gói. Điều này đòi hỏi cần phải có sự liên kết của nhiều đơn vị gia công cơ khí trong và ngoài ngành.
- Hoạt động chế tạo và sửa chữa máy biến áp tiếp tục được xác định là mặt hàng chủ lực, truyền thống của Công ty, dự kiến sẽ chiếm tỷ lệ lớn trong tổng doanh thu trong những năm cổ phần hóa.
- Ngoài ra, Công ty chủ trương thực hiện chính sách đa dạng hóa sản phẩm, sản xuất kinh doanh các mặt hàng cơ khí - thiết bị điện khác như: gia công tủ bảng điện, nhận bảo trì, bảo hành các thiết bị điện cho các tập đoàn, công ty lớn trên thế giới có sản phẩm được tiêu dùng tại Việt Nam, tiến tới nhận lắp ráp, chế tạo từng phần.

Dự án: Đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất và Bảo quản máy biến thế

- Đầu tư vào lĩnh vực chế tạo, gia công thiết bị cơ khí cho các Công ty Thủy điện, Nhiệt điện trong và ngoài ngành. Xây dựng khai thác, vận hành các Công ty Thủy điện nhỏ nhằm đa dạng hóa ngành nghề, tạo lợi nhuận cho Công ty.
- Đối với ngành nghề truyền thống là lắp đặt, sửa chữa máy phát điện Diesel, đây là sản phẩm mà Công ty có nhiều lợi thế do có đội ngũ cán bộ – công nhân lành nghề, có kinh nghiệm, uy tín... Công ty sẽ tiếp tục duy trì, đẩy mạnh công tác tiếp thị, đưa vào kinh doanh có lãi, tiến đến nhận xây lắp toàn bộ Công ty điện từ khâu thiết kế, lắp đặt máy, trạm điện...

CHƯƠNG IV: SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐẦU TƯ

IV.1. Mục tiêu dự án

Việc đầu tư Dự án Nâng cấp dây chuyên sản xuất và Bảo quản máy biến thế của nhằm mở rộng quy mô sản xuất, sử dụng nguồn vốn hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh thiết bị điện và các lĩnh vực khác nhằm tăng lợi nhuận của công ty, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, góp phần tăng ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty. Đồng thời đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước về thiết bị điện, đặc biệt là máy biến thế.

Hơn nữa, trong điều kiện hiện nay, hoạt động kinh doanh diễn ra trong điều kiện gay gắt và dữ dội, ngay cả trên thị trường nội địa, vì theo nguyên tắc cùng có lợi chúng ta cũng phải mở cửa cho hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam. Nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường cả về số lượng, chất lượng, thời gian thi công, giá cả hợp lý, cần phải đầu tư, cải tiến dây chuyên sản xuất, trang thiết bị theo hướng tự động hoá và hiện đại hoá. Những cải tiến đó phải đạt được mục tiêu nâng cao năng suất lao động, chất lượng và hạ giá thành sản phẩm để đủ sức cạnh tranh với các đơn vị sản xuất trong và ngoài nước nhằm chiếm lĩnh thị trường trong tương lai.

Vì vậy, Công ty sẽ tiến hành xây dựng mở rộng và cải tạo một số công trình sau:

- Xây dựng 2 kho thành phẩm có diện tích 955.384m².
- Cải tạo kéo dài phân xưởng sửa chữa có diện tích 390.6m².
- Cải tạo phân xưởng biến thế ba có diện tích 882.657m².

IV.2. Sự cần thiết phải đầu tư

Hiện nay, ngành sản xuất thiết bị điện đang có lộ trình và cơ hội phát triển do có tiềm năng tiêu thụ lớn trong và ngoài nước. Đặc biệt, Nhà nước hiện đang có nhiều ưu đãi đối với sản xuất các sản phẩm, thiết bị tiết kiệm năng lượng, thiết bị khai thác năng lượng tái tạo,... qua việc sẽ cho vay vốn ưu đãi.

Với thị trường trong nước, theo kế hoạch phát triển ngành sản xuất thiết bị điện đã được Chính phủ phê duyệt, giai đoạn 2015 - 2025 ngành thiết bị điện sẽ phải phát triển để đáp ứng 70% nhu cầu trong nước về thiết bị đường dây, trạm biến áp, 55% về động cơ điện, một số chủng loại máy phát điện thông dụng và năm 2025 có thể sản xuất, cung ứng trọn bộ thiết bị điện cho các công trình đường dây điện, trạm biến áp; 50-60% nhu cầu máy biến thế 110 - 220KV và năm 2015 xuất khẩu đạt 30-35% giá trị sản xuất; đáp ứng 60-70% nhu cầu trong nước các loại công tơ điện, khí cụ điện, các hệ thống ghi đếm - giám sát an toàn lưới điện, trọn bộ thiết bị trạm điện, và xuất khẩu đạt 19-20% giá trị sản xuất; tập trung sản xuất các loại dây - cáp điện chất lượng cao với kim ngạch xuất khẩu tăng 35.5%/năm...

Một thị trường nữa cũng đang rất được quan tâm là những khu vực còn nằm ngoài vùng lưới điện quốc gia như: ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, hải đảo... Ở những khu vực này theo kế hoạch sẽ phải tăng khai thác tối đa lợi thế điều kiện tự nhiên, tiềm năng năng lượng mới - năng lượng tái tạo để cấp điện tại chỗ. Đây là thị trường tiềm năng cho ngành sản xuất thiết bị điện, thiết bị cho công nghiệp tái tạo, thiết bị cho sản xuất điện công nghiệp sạch.

Đối với thị trường xuất khẩu, bên cạnh các thị trường truyền thống, ngành sản xuất thiết bị điện cũng có tiềm năng lớn ở các thị trường lân cận là Lào và Campuchia. Theo thạc sĩ Hồng Gấm, Lào có dân số khoảng 6.67 triệu người có tiềm năng thủy điện khoảng 23,000MW, song công suất lắp đặt hiện có khoảng 1,826MW và Lào đang có mục tiêu sẽ đạt

Dự án: Đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất và Bảo quản máy biến thế

90% điện khí hóa nông thôn vào năm 2020. Trong khi đó, Campuchia với dân số 14 triệu người, có tiềm năng thủy điện ước đạt 10,000MW, trong đó quy mô thủy điện lớn khoảng 89%, quy mô trung bình 10%, thủy điện nhỏ 2%. Tuy nhiên hiện tỷ lệ hộ được cấp điện lưới mới chỉ đạt 22.47%, trong đó thành thị đạt 82.53%, nông thôn 9.31%. Campuchia có định hướng phát triển ngành điện đến năm 2030 sẽ có 70% hộ nông thôn được dùng điện.

Theo tính toán của các kỹ sư xây dựng, trang thiết bị điện chiếm khoảng 10% giá thành của công trình xây dựng và có xu hướng ngày càng tăng. Đây được coi là thị trường béo bở đối với các doanh nghiệp trong và ngoài nước do lợi nhuận cao. Hiện nay, vấn đề biến đổi khí hậu cũng đang là tiêu điểm của toàn cầu, trong đó Việt Nam được dự báo là một trong những nước chịu tác động lớn nhất. Việc đẩy mạnh sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu sử dụng năng lượng ngày một cao của nền kinh tế quốc dân, đồng thời bảo vệ môi trường, giảm thiểu biến đổi khí hậu, là một trong những mục tiêu quan trọng của Chính phủ Việt Nam trong tương lai. Hơn nữa, hệ thống điện nước ta đang đối mặt với thực trạng cung ít hơn cầu, để tăng cường nội địa hóa nhằm nâng cao sức cạnh tranh qua việc xây dựng nhiều nhà xưởng mới, quan tâm đến việc đầu tư mua sắm các trang thiết bị hiện đại. Do đó việc “Đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất và Bảo quản máy biến thế” là rất cần thiết.

CHƯƠNG V: PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ

V.1. Điều kiện tự nhiên

V.1.1. Vị trí địa lý

Khu đất dự kiến xây dựng dự án có tổng diện tích 2,228,641m² thuộc khu đất của nằm ngay mặt tiền đường thuộc cửa ngõ phía Đông Bắc Thành phố Hồ Chí Minh có vị trí địa lý như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Thuận An và huyện Dĩ An của tỉnh Bình Dương.
- Phía Nam tiếp giáp quận 2.
- Phía Tây được bao bọc bởi sông Sài Gòn ngăn cách với quận 12, Gò Vấp và Bình Thạnh.
- Phía Đông giáp quận 9.

V.1.2. Địa hình

Khu đất xây dựng [dự án](#) có địa hình tương đối bằng phẳng cao độ mặt đất trung bình 1,5m (cao ở phí đông thấp dần phía tây), khá thuận lợi cho việc đầu tư Dự án nâng cấp dây chuyền sản xuất và Bảo quản máy biến thế.

V.1.3. Khí hậu

Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, quận ... có nhiệt độ cao đều trong năm và hai mùa mưa – khô rõ rệt. Mùa mưa được bắt đầu từ tháng 5 tới tháng 11, còn mùa khô từ tháng 12 tới tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình 27°C. Trên phạm vi không gian thành phố, lượng mưa phân bố không đều, quận ... thường có lượng mưa cao hơn khu vực còn lại.

Quận ... còn chịu ảnh hưởng bởi hai hướng gió chính là gió mùa Tây – Tây Nam và Bắc – Đông Bắc. Độ ẩm không khí lên cao vào mùa mưa khoảng 80%, và xuống thấp khoảng 74.5%. Độ ẩm không khí đạt bình quân/năm 79.5%.

Tổng bức xạ mặt trời trung bình 11.7kcal/cm²/tháng, cao nhất 14.2kcal/cm²/tháng, thấp nhất 10.2kcal/cm² /tháng. Lượng bốc hơi khá lớn trong năm là 1,350mm, trung bình 3.7mm/ngày.

V.1.4. Điều kiện thủy văn

Hệ thống sông ngòi khá dày đặc cung cấp cho việc tưới tiêu nhưng do chịu ảnh hưởng dao động triều bán nhật của biển Đông, thủy triều thâm nhập sâu đã gây nên những tác động xấu tới sản xuất nông nghiệp và hạn chế việc tiêu thoát nước ở khu vực nội thành.

V.2. Hiện trạng sử dụng đất

Khu đất dự kiến xây dựng hiện nay là đất thiên thời, địa lợi nhân hoà có tổng diện tích 2.228,641m² sử dụng vào mục đích đất thổ cư và có công trình hiện hữu thuộc .

V.3. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật

V.3.1. Hiện trạng giao thông

Giao thông rất thuận lợi vì xung quanh vị trí xây dựng, đường nhựa và bê tông đã có sẵn, nối liền đường nhựa dẫn từ trục Xa lộ Hà Nội vào, cống phụ riêng biệt. Hơn nữa, diện

tích đất dành cho giao thông rộng rãi, dễ tổ chức các đường vòng, bãi trống để quay trở đầu xe ngay tại cửa chính công trình.

V.3.2. Hiện trạng cấp điện

Nguồn cấp điện: nguồn điện từ trạm biến thế 1,000KVA ở phía Tây Bắc, có thể lấy nguồn dự phòng từ trạm 750KVA từ PXBT3. Khu đất chưa có mạng cáp ngầm, điện hạ thế.

V.3.3. Hệ thống cấp – thoát nước

Nguồn cấp nước: Sử dụng nguồn nước từ Công ty nước ... và hệ thống giếng khoan hiện hữu.

Nguồn thoát nước: sẽ được xây dựng trong quá trình xây dựng.

V.3.4. Thông tin liên lạc

Mạng lưới điện phủ khắp quận ... nên rất thuận lợi cho thông tin liên lạc trong và ngoài nước.

V.4. Nhận xét chung

Từ những phân tích trên, chủ đầu tư nhận thấy rằng khu đất xây dựng Dự án Đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất và Bảo quản máy biến thế được đặt có vị trí khá thuận lợi về các yếu tố tự nhiên, kinh tế và hạ tầng. Đây là những yếu tố quan trọng làm nên sự thành công của một dự án.

CHƯƠNG VI: QUY MÔ CÔNG SUẤT DỰ ÁN

VI.1. Quy mô công suất

VI.1.1. Hình thức đầu tư

Trong những năm vừa qua, kinh tế Việt nam đã tăng trưởng tương đối vững chắc với tốc độ trung bình bằng hoặc cao hơn so với các nước trong khu vực. Để mở rộng hoạt động kinh doanh và phát huy hơn nữa khả năng về nguồn vốn hiện có, quyết định mở rộng, cải tạo phân xưởng biến thế 3, cải tạo kéo dài phân xưởng sửa chữa và xây dựng mới 2 kho thành phẩm tại Km9 Xa lộ Hà Nội, quận ... nhằm đáp ứng nhu cầu về thiết bị điện cho thị trường trong và ngoài nước. Hình thức đầu tư là mở rộng và xây dựng 2 kho thành phẩm. Các hạng mục sửa chữa sẽ được thiết kế nhằm tạo nên sự an toàn, phù hợp với cảnh quan xung quanh, đảm bảo quy hoạch đô thị.

VI.1.2. Phương thức đầu tư

Tiến hành xây dựng mở rộng 2 kho thành phẩm, cải tạo kéo dài phân xưởng sửa chữa và cải tạo phân xưởng biến thế 3 tại vị trí Km9, Xa lộ Hà Nội, Quận Đầu tư thường xuyên hàng năm để duy trì và phát triển kinh doanh nhằm tăng nguồn thu cho ngân sách quốc gia và lợi nhuận của công ty.

Trực tiếp thuê công nhân là người địa phương làm việc tại Công ty. Các công nhân được đào tạo sẽ được chọn lọc từ đội ngũ công nhân hiện có đảm bảo có đủ trình độ tay nghề và sức khỏe để có đủ năng lực vận hành, sửa chữa thiết bị. Trong các ứng dụng công nghệ tự động hoá vào các khâu như chế tạo lõi tôn, quấn, thí nghiệm các thông số... công nhân sẽ được đào tạo sử dụng các phần mềm hiện đại của các hãng danh tiếng,... để có đủ năng lực phát huy tính năng của thiết bị.

VI.2. Công trình trên đất

VI.2.1. Công trình trên đất hiện có

Hiện nay, trên vị trí đất tại ...thuộc là có các công trình hiện hữu gồm có:

- Nhà 1 lầu mái tôn
- Nhà 2 lầu đúc
- Tường tôn
- Sân
- Bãi vật tư
- Đất trống
- Đường nội bộ, lề cỏ.

VI.2.2. Công trình xây dựng mới

VI.2.2.1. Lựa chọn nhà thầu

Trước khi tiến hành xây dựng mới, công ty chúng tôi tổ chức đấu thầu xây dựng. Các bước sẽ tuân theo Quyết định số 559/QĐ-EVN ngày 12/9/2011 của Hội đồng thành viên Tập Đoàn Điện lực Việt Nam.

Quá trình lựa chọn nhà thầu được quy định rõ thông qua các bước sau:

- Chuẩn bị đấu thầu
- Lựa chọn nhà thầu
- Thẩm định, thỏa thuận và phê duyệt trong đấu thầu

- Hợp đồng và thanh toán

Trong quá trình thực hiện nếu có những vướng mắc, cần bổ sung, hiệu chỉnh, các đơn vị báo cáo về Tập đoàn để xem xét có hiệu chỉnh, bổ sung kịp thời.

VI.2.2.2. Công trình xây dựng mới

Trong khuôn viên Công ty dự án đầu tư xây dựng cải tạo gồm các công trình sau :

1. Xây dựng kho thành phẩm trên diện tích 955.384 m², gồm kho chứa máy 1 pha và kho chứa máy 3 pha. Dự kiến xây mới kho thành phẩm này có kết cấu gồm tường móng, nền bê tông, khung sườn bằng thép hình, mái lợp tole, tường gạch.

Trong đó kho chứa máy 1 pha đã xây dựng và lắp thiết bị xong. Chi phí như sau :

- Chi phí xây dựng (xây tường móng, khung nhà kho, nền bê tông, khung kèo mái tôn) : 663.535.097 ĐVN (chưa VAT)
- Cầu trục dầm đơn 3 tấn : 344.960.000 ĐVN (chưa VAT)
- Hệ thống chiếu sáng, tủ điện : 15.180.756 ĐVN (chưa VAT)

2. Tiến hành cải tạo kéo dài phân xưởng sửa chữa có diện tích 390.6m².

3. Cuối cùng là cải tạo phân xưởng biến thế 3 có diện tích 882.657m².

VI.2.2.3. Nhận xét chung địa điểm xây dựng dự án

- Việc chọn địa điểm đầu tư xây dựng phù hợp với phương hướng qui hoạch phát triển tương lai của công ty.

- Khu đất tương đối thuận lợi cho mục đích xây dựng dự án

- Là dự án mở rộng trên cơ sở sẵn có của công ty, nên điều kiện kỹ thuật tương đối tốt, đầy đủ. Khu đất thuộc quyền sử dụng của công ty do đó có thể nhanh chóng triển khai xây dựng công trình để đưa dự án vào hoạt động.

- Dự án nằm trong khuôn viên của Công ty cách trung tâm TP.HCM 8km, cách các khu trong điểm kinh tế phía Nam như Bình Dương gần 10km, Đồng Nai 15 km, cách cảng container Phước Long gần 2km là lợi thế rất lớn của dự án. Sắt đường Xa lộ Hà Nội là trục giao thông quan trọng nối với các khu công nghiệp, nơi có nhiều khách hàng.

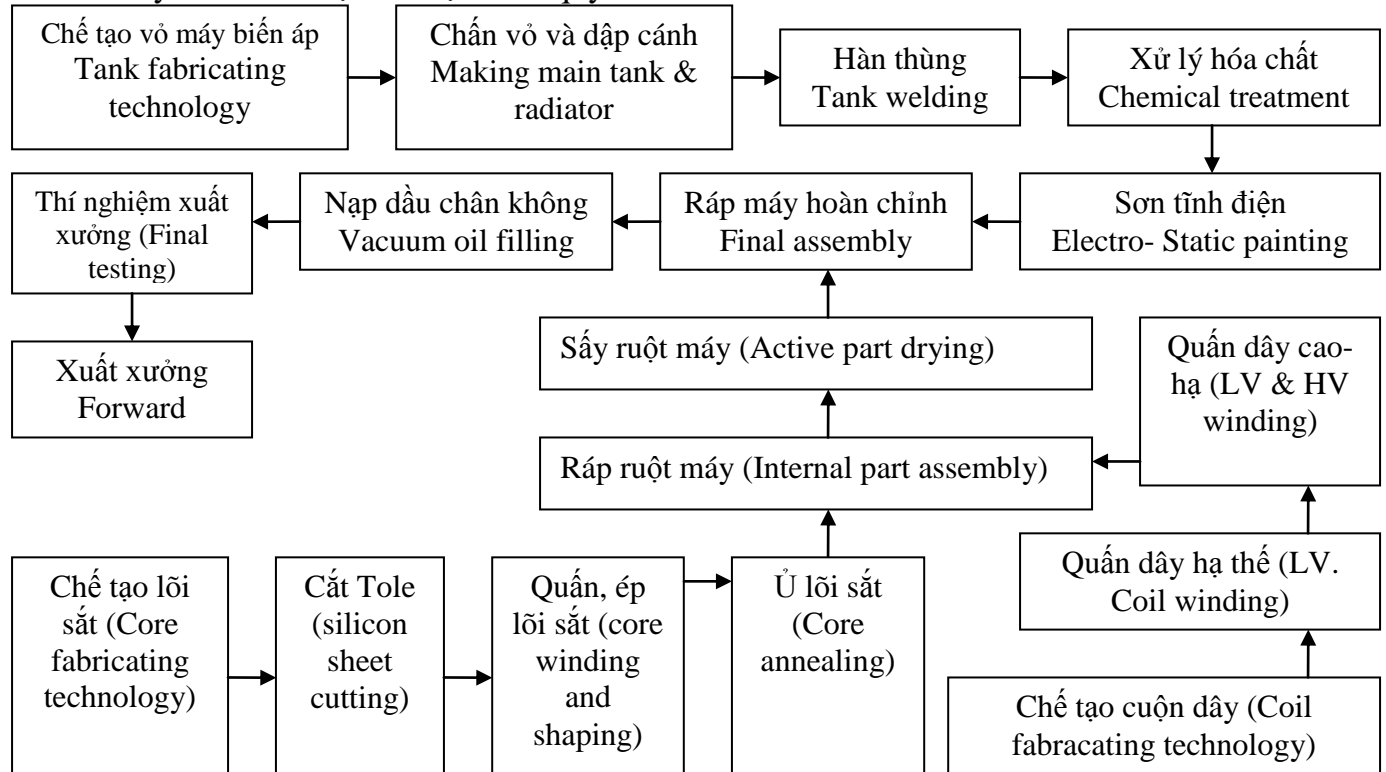
VI.3. Dây chuyền sản xuất

Công ty chúng tôi sẽ tiến hành việc nâng cấp dây chuyền sản xuất theo những tiêu chí sau:

- Chi phí đầu tư hợp lý dẫn đến giá thành cạnh tranh.
- Phù hợp với qui mô đầu tư lựa chọn.
- Sử dụng hợp lý nguyên vật liệu, năng lượng và nhân lực.
- Chất lượng sản phẩm khẳng định trong suốt quá trình sản xuất.
- Chất lượng sản phẩm, giá cả phù hợp có tính cạnh tranh cao với thị trường Việt Nam.
- Sản phẩm đáp ứng yêu cầu tiết kiệm điện năng.
- Đảm bảo an toàn và thân thiện với môi trường.

VI.4. Quy trình công nghệ chế tạo máy biến thế

Máy biến thế được chế tạo theo quy trình sau:



VI.5. Phương án vận chuyển và bảo quản máy biến thế

VI.5.1. Vận chuyển

- Khi vận chuyển máy không được để nghiêng máy, cần ràng buộc chắc chắn để máy không dịch chuyển trong quá trình vận chuyển. Không ràng buộc vào cụm cánh tản nhiệt gấp song, sứ cách điện và các phụ kiện (bộ điều chỉnh, bộ đổi cấp, nhiệt kế...).
- Khi vận chuyển bằng phương tiện ô tô không được chạy quá 30km/h. Hạn chế tốc độ khi gặp đường xấu, lên xuống phà. Tránh phanh gấp, đột ngột.
- Cần tránh sự va chạm : giữa máy và phương tiện vận chuyển, giữa các máy với nhau.

VI.5.2. Bốc dỡ

Khi bốc dỡ cần phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Cáp cầu phải móc đúng vào vị trí móc treo máy.
- Nâng, hạ máy phải từ từ, nhẹ nhàng ở vị trí thẳng đứng.
- Không để cáp cầu tỳ hoặc va chạm vào sứ.

VI.5.3. Kiểm tra khi nhận máy

Kiểm tra tình trạng bên ngoài của vỏ máy, sơn, kiểm tra mức dầu và các phụ kiện của máy.

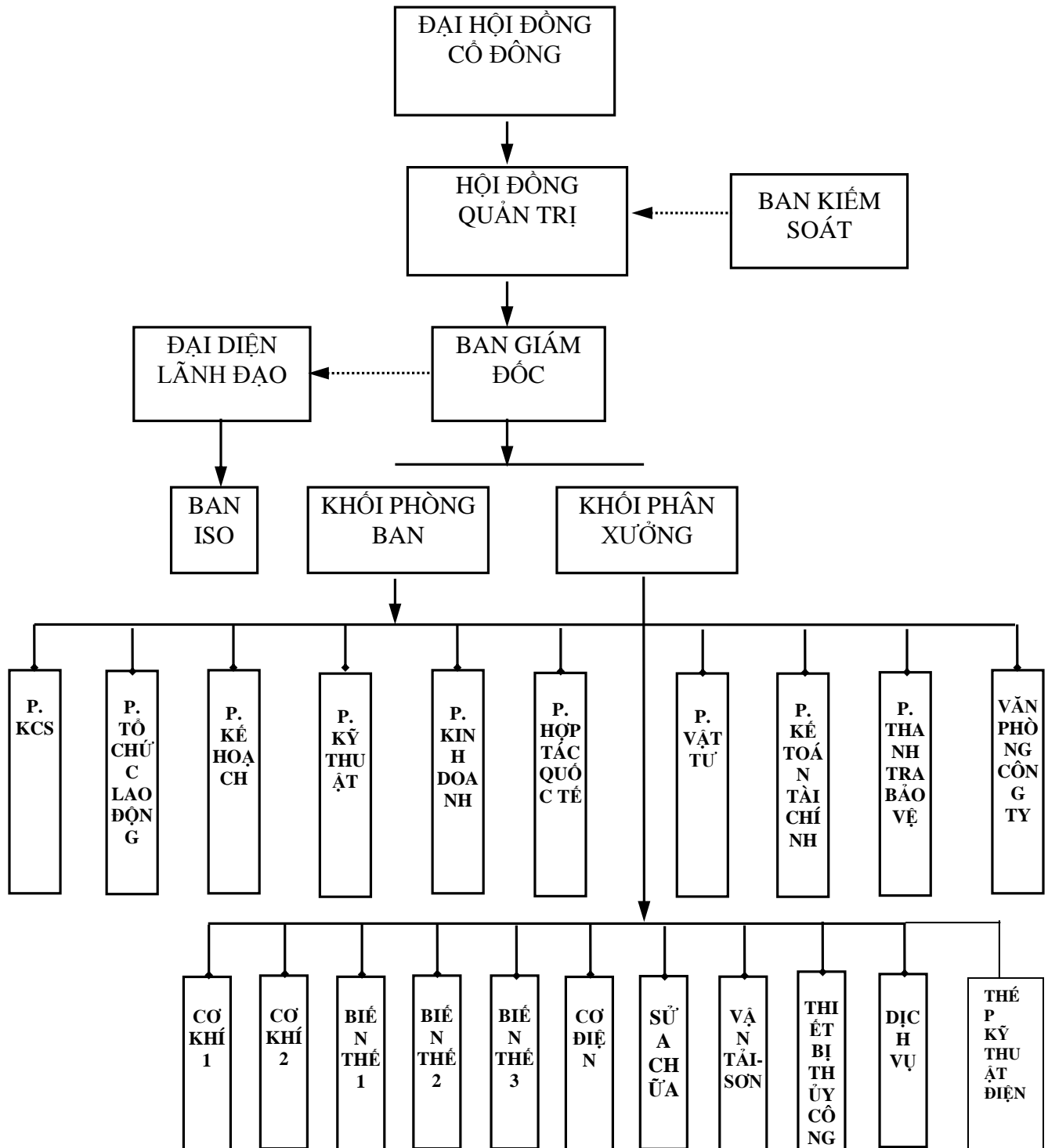
VI.5.4. Bảo quản

- Khi máy chưa đi vào sử dụng phải để nơi khô ráo. Cần bảo vệ các cụm sứ, tránh để bê, mẻ, nứt. Tốt nhất là để trong kho có mái che.
- Các máy biến thế không được đặt quá gần nhau để tránh làm hư hỏng các bộ phận tản nhiệt và các thiết bị kèm theo khác.

CHƯƠNG VII: CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY NHÂN SỰ

VII.1. Sơ đồ bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý của được thể hiện dưới sơ đồ sau:



VII.2. Cơ cấu quản lý và bộ phận nhân sự

VII.2.1. Hội đồng quản trị.

Tất cả hoạt động kinh doanh và công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám Đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định, Quy chế của Hội Đồng Quản Trị được ban hành có tính bắt buộc thực hiện đối với Giám Đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty, các đơn vị trực thuộc.

Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc điều hành hay bất kỳ cán bộ quản lý hoặc người đại diện nào của Công ty nếu Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty - Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Giám Đốc điều hành và quyết định mức lương của họ.
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty.
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại.
- Quyết định các phương án đầu tư, quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và đầu tư công nghệ.
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức cho các cổ đông.
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện pháp luật của Công ty.

VII.2.2. Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

- Thực hiện việc giám sát hoạt động của Giám đốc Công ty và bộ máy điều hành, quản lý để đảm bảo tuân thủ việc chấp hành các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, chấp hành các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và của Đại hội đồng cổ đông trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh .
- Được Hội đồng Quản trị tham khảo ý kiến về việc ban hành, thực hiện các quy chế nội bộ trong Công ty cho phù hợp với pháp luật, Điều lệ Công ty nhằm mang lại hiệu quả kinh doanh cao nhất cho doanh nghiệp.
- Đề xuất việc chỉ định hoạt động kiểm toán, thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát trước, trong và sau mỗi giai đoạn sản xuất kinh doanh (khi có ý kiến thống nhất của Hội đồng Quản trị), thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị và các cổ đông.
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề kiểm toán viên độc lập cần bàn bạc.

VII.2.3. Giám Đốc điều hành

Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày trong Công ty, chỉ đạo việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

Giúp việc cho Giám đốc có các Phó Giám đốc, thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Giám đốc Công ty.

VII.2.4. Đại diện Lãnh đạo

Đại diện Lãnh đạo được Hội Đồng Quản trị Công ty được bổ nhiệm và chịu trách nhiệm:

- Tổ chức xây dựng hệ thống quản lý chất lượng trong toàn Công ty theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000.
- Báo cáo lãnh đạo cao nhất về kết quả hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng.
- Thúc đẩy toàn bộ tổ chức nhận thức được yêu cầu của khách hàng.
- Thông tin phối hợp với các tổ chức bên ngoài về những vấn đề liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng và chứng nhận.
- Tổ chức đánh giá việc thực hiện hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng
- Tìm kiếm cơ hội cải tiến hệ thống quản lý chất lượng.

VII.2.5. Các Phòng - Ban chức năng

VII.2.5.1. Phòng hợp tác quốc tế

Tham mưu giúp Giám đốc quản lý và điều hành hoạt động đối ngoại, công tác xuất khẩu của Công ty. Chịu trách nhiệm đối ngoại, thực hiện công tác hợp tác, liên kết với các đối tác nước ngoài, tìm hiểu thị trường, tiếp thu, nghiên cứu và áp dụng công nghệ tiên tiến của các nước để cải tiến kỹ thuật và mở rộng sản xuất kinh doanh.

VII.2.5.2. Phòng Tổ chức lao động - Đào tạo

Là đơn vị tham mưu cho Giám đốc về công tác tổ chức nhân sự, đào tạo nguồn nhân lực, công tác lao động tiền lương với công việc cụ thể như sau:

- Hoạch định tổ chức nhân sự.
- Tuyển dụng - đào tạo.
- Quản lý, theo dõi công tác tiền lương và các chế độ chính sách cho người lao động.
- Quản lý hồ sơ, lý lịch cá nhân cán bộ, công nhân viên toàn Công ty.

VII.2.5.3. Văn phòng Công ty

Là phòng tham mưu, phụ trách các công tác sau:

- Văn thư, lưu trữ, quản lý con dấu.
- Truyền đạt các chủ trương chính sách và các văn bản pháp luật của cấp trên và của Công ty.
- Thực hiện công tác thi đua, tuyên truyền.
- Đảm nhận thực hiện công tác lễ tân, tổ chức hội họp và các sự kiện khi có yêu cầu.
- Phụ trách công tác y tế, quản trị...
- Điều tiết phương tiện vận tải, vận chuyển của Công ty.

VII.2.5.4. Phòng kinh doanh

- Chịu trách nhiệm trước Công ty về tình hình kinh doanh, tiếp thị, nghiên cứu thị trường, đề xuất các giải pháp thực hiện và phản ánh kịp thời cho Lãnh đạo Công ty về mọi hoạt động, công tác có liên quan đến kinh doanh.

Dự án: Đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất và Bảo quản máy biến thế

- Chịu trách nhiệm về triển khai bán các sản phẩm của Công ty, các mặt hàng gia công đúng theo tiêu chuẩn quy định, chính sách tài chính liên quan đến hợp đồng và các qui định của Công ty có liên quan đến công tác kinh doanh.
- Chịu trách nhiệm về tình hình thu hồi công nợ, giá trị doanh thu đảm bảo quay vòng vốn cho Công ty hoạt động (phần vốn liên quan đến việc bán hàng)
 - Chịu trách nhiệm về việc triển khai công tác hậu mãi sau bán hàng.
 - Chịu trách nhiệm theo dõi hoạt động của đại lý theo các hợp đồng và các hoạt động khác như: Chế độ khuyến khích khách hàng sử dụng, mua các sản phẩm của Công ty.
 - Tham mưu chính cho Lãnh đạo Công ty trong hoạt động kinh doanh, phương hướng, chiến lược, giá bán sản phẩm.

VII.2.5.5. Phòng kế hoạch

Tham mưu cho Giám đốc về các mặt quản lý chung về tài sản (trang thiết bị, vật tư, tiền vốn, giá thành...) hoạch định kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, điều độ sản xuất hàng ngày, thực hiện công tác thống kê, công tác lập dự toán các sản phẩm, công trình. Lập kế hoạch chiến lược phát triển của công ty ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.

VII.2.5.6. Phòng kỹ thuật

- Phụ trách công tác thiết kế kỹ thuật, thiết lập công nghệ chế tạo, sửa chữa các mặt hàng gia công sản xuất tại Công ty. Giám sát kỹ thuật trong quá trình sản xuất.
- Phụ trách và giám sát công tác kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động của Công ty.
- Thực hiện công tác sáng kiến, hợp lý hoá trong sản xuất, cải tiến quy trình công nghệ.

VII.2.5.7. Phòng vật tư

- Tổ chức cung ứng, cấp phát và quản lý vật tư toàn Công ty. Căn cứ vào yêu cầu sản xuất lập kế hoạch và xây dựng tiến độ cấp phát, cung ứng vật tư sản xuất hàng tháng, quý, năm...
- Tìm kiếm, khai thác nguồn vật tư trong và ngoài Công ty.
- Tổ chức cấp phát vật tư đúng chủng loại, số lượng cho khách hàng trong và ngoài Công ty.
- Theo dõi, kiểm tra việc sử dụng, tồn trữ vật tư bán thành phẩm của các đơn vị trong Công ty.
- Thiết lập các hợp đồng, hoá đơn, văn bản... có liên quan đến công tác vật tư.
- Thực hiện công tác giao nhận sản phẩm, các loại vật tư trong sản xuất và theo dõi công tác tồn kho các sản phẩm.
- Sắp xếp, quản lý có hệ thống các hồ sơ, tài liệu liên quan đến vật tư.

VII.2.5.8. Phòng kế toán tài chính

- Tham mưu cho Giám đốc về các mặt quản lý tài chính và thực hiện công tác kế toán tài chính, thống kê thông tin và hạch toán kinh tế tập trung cho các đơn vị trong Công ty.
- Thông báo kịp thời kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính.
- Tính giá thành sản phẩm.
- Lưu trữ các chứng từ sổ sách liên quan đến tài chính của Công ty.
- Theo dõi công tác quyết toán các công trình.

VII.2.5.9. Phòng thanh tra bảo vệ

Chịu trách nhiệm tham mưu cho Giám đốc về công tác thanh tra - bảo vệ, phòng cháy chữa cháy trong Công ty đúng theo luật định. Tổ chức thực hiện, nắm vững tình hình, tổng hợp, nghiên cứu và giải quyết kịp thời những vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, bảo vệ trật tự - an toàn trong công tác sản xuất.

VII.2.5.10. Phòng KCS

Phòng KCS hay còn gọi là Phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm chịu trách nhiệm quản lý mọi công tác có liên quan đến công việc kiểm tra, kiểm định để đảm bảo chất lượng các sản phẩm giao cho khách hàng, các bán thành phẩm, trong quá trình sản xuất đảm bảo chất lượng sản phẩm theo yêu cầu, lập báo cáo thống kê các sản phẩm không phù hợp. Quản lý Phòng Thí nghiệm Điện và Cơ khí của Công ty.

- Quản lý các tài sản (thiết bị thí nghiệm...) của Công ty giao.
- Tổ chức hoạt động, vận hành thiết bị đảm bảo an toàn cho con người và thiết bị.
- Chịu trách nhiệm điều hành, quản lý chung các phòng chức năng là các Trưởng phòng, giúp việc cho Trưởng phòng là Phó phòng.

VII.2.5.11. Ban ISO

Ban ISO hoạt động theo sự chỉ đạo trực tiếp của Đại diện Lãnh đạo bao gồm các công việc chính sau: Soạn thảo các quy trình chất lượng, quy trình kỹ thuật, các hướng dẫn, biểu mẫu cho hệ thống. Theo dõi, bảo đảm các tài liệu soạn thảo đưa vào vận hành và có chỉnh sửa kịp thời để ngày càng phù hợp với tình hình của hệ thống.

Thường trực ISO: Có trách nhiệm quản lý các tài liệu thuộc hệ thống chất lượng của Công ty. Soạn thảo chương trình làm việc hàng tuần của Ban ISO. Lên kế hoạch và theo dõi, đôn đốc thực hiện theo các yêu cầu của hệ thống đánh giá nội bộ, họp xem xét... Tổng hợp số liệu, thực hiện các báo cáo.

VII.2.6. Các Phân xưởng sản xuất

VII.2.6.1. Phân xưởng biến thế

Phân xưởng biến thế gồm có 03 phân xưởng Biến thế 1, Biến thế 2, Biến thế 3, có chức năng chính sau:

- Thực hiện công tác chế tạo và sửa chữa các loại máy biến áp phân phối công suất đến 6300KVA, điện áp đến 35 KV và các chủng loại khác (nếu có) trong kế hoạch được Công Ty giao, thực hiện đảm bảo đúng tiến độ và tiêu chuẩn kỹ thuật.
- Quản lý tài sản và trang thiết bị được Công ty giao cho Phân xưởng.
- Tổ chức sản xuất an toàn đạt hiệu quả. Nghiên cứu kế hoạch chủ động nhằm hoàn thiện dây chuyên công nghệ chế tạo và sửa chữa máy biến áp các loại.

VII.2.6.2. Phân xưởng Cơ Điện

Phân xưởng cơ điện gồm có chức năng chính sau:

- Thực hiện công tác chế tạo và sửa chữa máy biến áp trung gian, máy biến áp truyền tải công suất đến 63.000KVA, điện áp đến 110KV và các chủng loại khác (nếu có) trong kế hoạch được Công ty giao, thực hiện đảm bảo đúng tiến độ và tiêu chuẩn kỹ thuật.
- Quản lý tài sản và trang thiết bị được Công ty giao cho Phân xưởng.

- Tổ chức sản xuất an toàn đạt hiệu quả. Nghiên cứu kế hoạch chủ động nhằm hoàn thiện dây chuyên công nghệ chế tạo và sửa chữa máy biến thế các loại.

VII.2.6.3. Phân xưởng cơ khí

Phân xưởng cơ khí gồm có 02 phân xưởng cơ khí 1, cơ khí 2 có chức năng chính sau:

- Thực hiện công tác gia công và sửa chữa phục hồi, chế tạo các mặt hàng cơ khí, phụ kiện thiết bị phục vụ công tác chế tạo Máy biến áp các loại, chế tạo các sản phẩm cơ khí điện trên hệ thống đường dây tải điện, các chi tiết, phụ tùng của Tổ máy phát điện Diesel.
- Quản lý tài sản và trang thiết bị được Công ty giao cho phân xưởng.
- Tổ chức sản xuất an toàn đạt hiệu quả. Nghiên cứu các phương án tối ưu trong sản xuất hoàn thiện dây chuyên gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí do phân xưởng đảm nhận.

VII.2.6.4. Phân xưởng sửa chữa Diesel

Phân xưởng sửa chữa Diesel có chức năng và nhiệm vụ như sau:

- Thực hiện công tác sửa chữa, đại tu – trùng tu các tổ máy phát điện Diesel, lắp đặt Công ty điện Diesel.
- Quản lý tài sản và trang thiết bị được Công ty giao cho Phân xưởng.
- Tổ chức sản xuất an toàn đạt hiệu quả.

VII.2.6.5. Phân xưởng vận tải - sơn

- Thực hiện công tác sơn vữa, xà ép gông, các loại phụ kiện máy biến thế các loại theo kế hoạch được giao.
- Sửa chữa, đại tu các loại phương tiện vận tải, đảm bảo số lượng xe để phục vụ vận chuyển, thực hiện công tác sản xuất kinh doanh trong Công ty.
- Quản lý tài sản và trang thiết bị được Công ty giao cho Phân xưởng. Tổ chức sản xuất an toàn đạt hiệu quả.

VII.2.6.6. Phân xưởng dịch vụ

Phân xưởng dịch vụ chịu trách nhiệm sản xuất dây điện từ - dây cáp điện các loại.

VII.2.6.7. Phân xưởng gia công chế tạo thiết bị cơ khí thủy công

Phân xưởng gia công chế tạo thiết bị cơ khí thủy công có chức năng như sau:

- Thực hiện công tác chế tạo các loại thiết bị cơ khí thủy công cho các Công ty Thủy điện, chế tạo các loại khung Nhà xưởng, hệ thống vì kèo.
- Chế tạo các loại trạm trụ điện thép, giá đỡ thiết bị đến 500KV và các sản phẩm cơ khí dân dụng chuyên Ngành.

VII.2.6.8. Phân xưởng thép kỹ thuật điện

Phân xưởng thép kỹ thuật điện có chức năng như sau: Thực hiện công tác gia công, chế tạo các loại thép kỹ thuật điện, thép vô định hình (amorphous), phục vụ yêu cầu sản xuất các loại máy biến thế.

CHƯƠNG VIII: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

VIII.1. Giới thiệu chung

Dự án “Đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất và Bảo quản máy biến thế” Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích 2,228.641m². Mục đích của đánh giá tác động môi trường là xem xét đánh giá các yếu tố tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường xây dựng dự án. Từ đó đưa ra giải pháp khắc phục, giảm thiểu ô nhiễm để nâng cao chất lượng môi trường hạn chế những tác động rủi ro cho môi trường và cho xây dựng kho thành phẩm khi [dự án](#) được thực thi, đáp ứng được các yêu cầu về tiêu chuẩn môi trường.

VIII.2. Đánh giá tác động môi trường

Dự kiến khi dự án đi vào hoạt động sản xuất sẽ có tác động đến môi trường xung quanh như sau:

VII.2.1 Bụi từ quy trình sản xuất

Ô nhiễm bụi chủ yếu phát sinh trong quá trình cắt, đánh bóng bề mặt, được xử lý bằng hệ thống hút bụi. Bụi vào phổi sẽ gây kích thích cơ học và phát sinh phản ứng gây nên những bệnh hô hấp. Bụi mịn sẽ gây tổn thương mắt và mũi khi tiếp xúc liên tục, kích thích viêm nhiễm niêm mạc mũi, họng, gây kích thích hóa học và sinh học như dị ứng, nhiễm khuẩn.

Tuy nhiên, trong khu vực dự án có nhiều cây xanh và sân bãi làm vùng đệm cách ly khu dân cư, giảm thiểu tối đa nguồn bụi và đảm bảo nguồn bụi phát sinh ra ngoài nằm trong tiêu chuẩn cho phép TCVN 5945-2005.

Khí thải do sử dụng công nghệ hiện đại, và đặc thù của công nghệ trong quá trình sản xuất sẽ không phát sinh ra khí thải nên không gây tác động xấu đến môi trường xung quanh.

VII.2.2 Bụi và khí thải từ hoạt động giao thông vận tải

Khí thải phát sinh do sử dụng công nghệ hiện đại và bụi chủ yếu là các bụi phát sinh trong quá trình cắt, đánh bóng bề mặt. Hơn nữa, khi dự án đi vào hoạt động, để đảm bảo cho việc đi lại của công nhân và lưu thông hàng hóa được thuận lợi, sẽ có nhiều các phương tiện giao thông hoạt động, ra vào Công ty. Khi hoạt động như vậy, các phương tiện vận tải với nhiên liệu tiêu thụ chủ yếu là xăng và dầu DO sẽ thải vào môi trường một lượng khí thải chứa các chất ô nhiễm không khí như NO₂, CO, CO₂, C_xH_y... Từ số lượng xe hoạt động hàng ngày và thành phần khí thải của xe khi hoạt động, có thể ước tính được một cách tương đối tải lượng các chất ô nhiễm không khí thải vào môi trường từ hoạt động giao thông vận tải. Tuy nhiên, bụi và khí thải được phát sinh từ giao thông vận tải này không thường xuyên, chỉ mang tính gián đoạn và không liên tục.

VII.2.3 Tiếng ồn và rung động từ quá trình hoạt động

Ô nhiễm do tiếng ồn là loại ô nhiễm đáng chú ý trong quá trình hoạt động của Công ty. Đặc điểm chung của hầu hết các máy móc, thiết bị trong quy trình công nghệ của Công ty đều có mức ồn tương đối cao. Tiếng ồn và rung động là những tác nhân gây ô nhiễm khá quan trọng và có thể gây ra những ảnh hưởng xấu đến môi trường, trước tiên là sức khỏe công nhân, lao động trực tiếp làm việc tại Công ty. Tiếng ồn và rung động được phát sinh từ các nguồn sau:

- Tiếng ồn và rung động do các phương tiện giao thông vận tải, máy móc thi công. Đó là tiếng ồn phát ra từ động cơ, sự rung động của các bộ phận xe, tiếng ồn từ ống xả khói, tiếng ồn do đóng cửa xe, tiếng rít phanh... Các loại xe khác nhau sẽ phát sinh mức độ ồn khác nhau như: xe du lịch (77dBA), xe bus (84dBA), xe vận tải (93dBA), xe mô tô 4 thì (94dBA), xe mô tô 2 thì (80dBA)... Tuy nhiên, lượng ồn này rất ít và không thường xuyên.

- Tiếng ồn từ hoạt động công việc lắp ráp, sự va chạm giữa các dụng cụ với nhau. Do công việc chủ yếu là lắp ráp do đó tiếng ồn không vượt mức cho phép.

Tiếng ồn và rung động từ sản xuất công nghiệp: được phát sinh từ quá trình va chạm hoặc chấn động, chuyển động qua lại, do sự ma sát của các thiết bị và hiện tượng chảy rối của các dòng không khí, hơi. Ngoài ra, tiếng ồn công nghiệp còn phát ra từ một bộ phận cán bộ, công nhân viên làm việc trong Công ty. Tiếng ồn và rung động phát ra từ các máy phát điện dự phòng, quạt gió,... Tuy nhiên, do xưởng sản xuất được xây tường cao cách âm, đặt cách ly khá xa khu văn phòng và khu dân cư xung quanh nên không gây ảnh hưởng. Ngoài ra xưởng sẽ không hoạt động qua 22h, đảm bảo tiếng ồn và độ rung không tác động đến sinh hoạt của cộng đồng, phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 5945-2005 đối với khu vực xung quanh và phù hợp với tiêu chuẩn TCVS 3733/2002/QĐ-BYT đối với khu vực sản xuất.

VII.2.4. Nước thải

Trong quá trình hoạt động và sản xuất của Công ty, nước thải phát sinh vào môi trường bao gồm các nguồn sau: Nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt; nước chữa cháy, tưới cây, tưới đường, nước thải từ máy điều hòa nhiệt độ, nước vệ sinh nhà xưởng...

Nước mưa chảy tràn cuốn trôi các chất bẩn, rác thải, bụi... trên bề mặt đất. Khi nước mưa chứa chất ô nhiễm thấm vào đất sẽ ảnh hưởng đến chất lượng đất, hoặc khi nước mưa đổ vào lưu vực sông, kênh rạch gần đó sẽ có khả năng gây ô nhiễm môi trường nước mặt...

Nước thải sinh hoạt là loại nước thải ra sau khi sử dụng cho nhu cầu sinh hoạt, ăn uống, tắm rửa, vệ sinh... của công nhân, lao động làm việc trong Công ty. Định mức dùng nước sinh hoạt trong một ngày tính trên đầu người là 40l/người/ngàydêm (Giáo trình Thoát nước - Tập 2: Xử lý nước thải, Hoàng Văn Huệ, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, 2002). Theo các tài liệu nghiên cứu cho thấy, tải lượng nước thải sinh hoạt chiếm tỷ lệ 80% tổng lưu lượng nước cấp, tương đương 10,496m³/ngàydêm. Nước thải sinh hoạt chứa nhiều chất ô nhiễm vô cơ, hữu cơ và vi sinh gây bệnh, nước thải sinh hoạt không được thu gom và xử lý sẽ là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Bên cạnh nước sử dụng cho sinh hoạt và sản xuất thì trong quá trình hoạt động của Công ty sẽ có sử dụng nước phục vụ cho mục đích phụ khác, như nước dùng cho chữa cháy khi có sự cố cháy nổ xảy ra, nước tưới đường, tưới cây, nước vệ sinh nhà xưởng, nước giải nhiệt thiết bị...

Do tính chất và thành phần chất ô nhiễm trong nước thải loại này không đáng lo ngại nên toàn bộ lượng nước thải phát sinh sẽ được thu gom và dẫn thoát về hầm tự hoại xử lý trước khi chảy vào hệ thống công thoát nước chung của khu vực. Nước thải đạt tiêu chuẩn TCVN 5945-2005 nguồn loại B và thải ra công thoát nước chung của khu vực.

VII.2.5. Chất thải rắn

Chất thải công nghiệp bao gồm giẻ lau chùi máy móc thiết bị dính dầu mỡ, chất rắn không thể sử dụng (như phôi tiện, sắt vụn, các mảnh thép vụn phát sinh trong quá trình sản xuất) được thải ra, và chất thải rắn từ việc quét dọn và hút bụi trong các khu vực sản xuất tại

nhà xưởng, một số bao bì thùng chứa đựng phụ gia, hóa chất. Ngoài ra, trong quá trình hoạt động của dự án còn phát sinh một số chất thải nguy hại cơ bản như: bóng đèn, hộp mực in, hộp mực photo... Đối với chất thải rắn công nghiệp nguy hại này nếu không được quản lý tốt sẽ làm mất vệ sinh môi trường đô, gây ô nhiễm môi trường nước, không khí, đất và luôn chứa đựng nguy cơ gây nguy hại đối với sức khỏe con người và các hệ sinh thái lâu dài.

Chất thải rắn sinh hoạt bao gồm các loại rác phát sinh do hoạt động từ khu vực văn phòng và sinh hoạt, ăn uống như giấy vụn văn phòng phẩm, thực phẩm, rau quả dư thừa, bọc nylông, giấy, chai nhựa... Trong đó, rác thải chiếm khối lượng lớn nhất là rác thực phẩm chiếm khoảng 73,22% khối lượng ướt.

Nếu công tác quản lý và xử lý chất thải sinh hoạt không tốt sẽ gây ảnh hưởng xấu đến vệ sinh môi trường trong và ngoài Công ty. Việc lưu chứa chất thải sinh hoạt có khả năng dẫn đến ô nhiễm đất, nước và không khí. Tích lũy lâu dài rác tại chỗ có thể gây ô nhiễm đất. Một phần chất dinh dưỡng có khả năng ngấm vào tầng sâu tích lũy và dần dần tác động xấu đến nguồn nước ngầm trong khu vực. Nước mưa chảy qua khu vực lưu chứa rác có thể cuốn theo các chất gây ô nhiễm nguồn nước mặt. Bên cạnh đó, các bãi rác hở là nơi trú ngụ và phát triển các vector gây bệnh như ruồi, muỗi, chuột, bọ... có thể gây nên dịch bệnh, phát sinh mùi hôi thối, ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân trong Công ty và đặc biệt là khu dân cư xung quanh.

VIII.3. Biện pháp giảm thiểu tác động của dự án đến môi trường

VIII.3.1. Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng

- Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân làm việc trên công trường được dẫn về bể tự hoại.

- Bố trí đường thoát nước mưa hợp lý tránh đi qua các bãi chứa nguyên vật liệu, hạn chế ô nhiễm.

- Giảm thiểu ô nhiễm không khí bằng cách che chắn công trường, tránh để phát tán.

- Che chắn vật liệu xây dựng trong quá trình vận chuyển cũng như những khu vực phát sinh bụi và tưới nước để hạn chế khả năng khuếch tán bụi ra môi trường xung quanh, tưới nước đường vận chuyển trên công trường trong mùa khô để giảm lượng bụi trong không khí, nhất là trong điều kiện thi công có nắng nóng kéo dài.

- Khí thải từ các phương tiện giao thông: Đây là các nguồn thải động nên rất khó quản lý. Chỉ có thể giảm bớt các tác động bằng cách yêu cầu các phương tiện vận chuyển gây ô nhiễm nhiều chạy vào ban đêm (nhưng phải kết thúc trước 22 h đêm). Bố trí hợp lý đường vận chuyển và đi lại, hạn chế di chuyển nhiều lần ngang qua khu vực dân cư. Điều chỉnh lưu lượng xe cộ ra vào hợp lý, tránh hiện tượng tập trung mật độ các phương tiện ra vào quá cao trong một thời điểm. Tiếng ồn, rung từ các phương tiện giao thông, thiết bị thi công: Rất khó quản lý nguồn gây ô nhiễm này. Giảm thiểu tác động đến người dân bằng cách cấm vận chuyển và thi công các công việc có mức ồn cao vào ban đêm (đổ bê tông...) và giảm tốc độ khi đi qua khu vực dân cư, gắn ống giảm thanh cho xe. Lắp đặt bộ phận giảm tiếng ồn cho những thiết bị máy móc có mức ồn cao như máy phát điện, hệ thống nén khí, máy cưa... Để giảm ồn còn cần phải tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên các phương tiện vận tải, các máy móc thiết bị kỹ thuật thi công, bảo đảm tuyệt đối an toàn trong thi công. Các thiết bị thi công phải có chân đế để hạn chế độ rung.

- Đối với rác sinh hoạt: Đặt các thùng rác nhằm thu gom và tập kết tại một địa điểm cố định. Lượng chất thải này sẽ được thu gom hằng ngày.

Dự án: Đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất và Bảo quản máy biến thế

- Các chất thải rắn xây dựng, các vật liệu phế bỏ được thu gom thường xuyên và vận chuyển ra khỏi công trường, tập trung vào các khu xử lý chất thải rắn chung của thành phố vì vậy ký hợp đồng với công ty công trình giao thông đô thị và quản lý nhà ... đến thu gom và xử lý theo qui định.

VIII.3.2. Giai đoạn hoạt động của dự án

- Nhiệt thừa không phát sinh trong các công đoạn sản xuất. Nhiệt độ trong môi trường làm việc sẽ được xử lý bằng hệ thống thông gió để hút nhiệt thừa ra ngoài và bố trí quạt làm mát và hệ thống máy lạnh. Mặt khác mái che xưởng có sơn cách nhiệt, hạn chế phần lớn nhiệt độ trực tiếp hấp thụ từ mái tôn. Đồng thời trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trong khu vực này. Cần phải quét dọn và vệ sinh sinh máy móc thiết bị hàng tuần.

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt có công suất 100m³/ngày đảm bảo nước thải đầu ra đạt QCVN 14:2008/BTNMT loại A trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là sông. Nước thải sản xuất sẽ dẫn qua hệ thống xử lý nước thải của cơ sở, nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 24:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài. Bố trí đường thoát nước mưa tách riêng với đường thoát nước sinh hoạt, đường thoát nước mưa tránh đi qua các bãi chứa nguyên vật liệu, hạn chế ô nhiễm.

- Đối với các chất thải sinh hoạt: Nên đặt các thùng rác nhằm thu gom và tập kết tại một địa điểm cố định. Còn các chất thải rắn sản xuất như: phôi tiện, sắt vụn, dầu máy thay thế,... được chuyển cho các công ty thu gom phế liệu tái chế xử lý chuyên nghiệp. Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý để thu gom chất thải sản xuất định kỳ cùng với chất thải sinh hoạt.

- Thường xuyên giáo dục cảnh báo công nhân ý thức an toàn lao động, kiểm tra các thiết bị dụng cụ an toàn và trang bị bảo hộ phù hợp cho từng công nhân. Trên các máy công cụ đều có hướng dẫn sử dụng và kỹ thuật an toàn cụ thể.

- Tuân thủ các quy phạm của nhà chế tạo về việc vận hành, bảo trì, sửa chữa các thiết bị sản xuất và thiết kế hệ thống điện đúng công suất để đảm bảo sự hoạt động an toàn hiệu quả.

- Để phòng chống cháy nổ và các sự cố cháy nổ và các sự cố do sấm sét, trong quá trình hoạt động sản xuất dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau: Thành lập đội phòng cháy chữa cháy và định kỳ cử công nhân tập huấn tại công ty và học tại các trung tâm PCCC khu vực. Công ty thường xuyên duy trì công tác tuyên truyền giáo dục công nhân trong lĩnh vực phòng cháy chữa cháy. Công ty triệt để tuân thủ các qui định về phòng cháy, chữa cháy của các cơ quan địa phương có liên quan.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy của Công ty được thiết kế, lắp đặt theo đúng qui định phòng chống cháy nổ của nhà nước, cụ thể như sau:

+ Hệ thống đường nội bộ đến được tất cả các vị trí trong khu vực phân loại phế liệu, đảm bảo tia nước phun từ vòi rồng của xe cứu hỏa có thể khống chế được lửa phát sinh ở bất cứ vị trí nào trong phân xưởng.

+ Hệ thống cấp nước cho việc chữa cháy luôn đảm bảo, luôn dự trữ đủ lượng nước cần thiết.

+ Các thiết bị phòng cháy chữa cháy được bố trí tại nhiều vị trí thích hợp: bình CO₂, bình bột, bình cứu hỏa tự động, tủ PCCC...

+ Các nơi nguy hiểm như trạm điện, các vị trí thoát hiểm khi cần thiết có biển báo và chỉ đường

+ Có hệ thống tiếp đất chống sét cho những khu vực cần thiết.

- + Các loại nhiên liệu, hóa chất, dầu biến thế,... được chứa trong khu vực kho riêng cách ly an toàn với khu sản xuất.
- + Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa điện được bố trí an toàn. Thiết bị, máy móc được bố trí trật tự, gọn gàng, khoa học, đảm bảo khoảng cách cho công nhân làm việc khi có cháy nổ xảy ra.

VII.3.3. Quản lý chất thải có chứa hoặc nhiễm PCB

PCB (PCB là hợp chất ưa mỡ, có khả năng gây ung thư nên đây là hợp chất rất độc, thậm chí khi nó chỉ ở một hàm lượng rất nhỏ) là chất có trong dầu cách điện của thiết bị điện (như máy biến áp, tụ điện,...), khi bị tháo dỡ, thải bỏ là một trong những chất thải nguy hại chính có trong các hoạt động sản xuất và kinh doanh của EVN. Vì vậy, việc loại bỏ, hạn chế và thậm chí cấm sử dụng hợp chất PCB là điều hết sức cần thiết. Một số vấn đề liên quan đến PCB quy định đối với các đơn vị thực hiện sau:

- Tất cả các thiết bị nghi ngờ chứa PCB phải được thử nghiệm về nồng độ PCB trước khi thanh lý. Không bán thanh lý các thiết bị có chứa dầu và dầu thải mà không biết chắc chắn về nồng độ PCB trong dầu.

- Phải lưu trữ các thiết bị thải có chứa dầu và dầu thải trên nền chống thấm, nền xi măng để ngăn ngừa dầu có chứa PCB có thể ngấm xuống đất, thâm nhập hệ thống nước mặt và nước ngầm. Các thiết bị thải, dầu thải phải đóng, đậy kín...(đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tương tự như quy định tại Mục 1,2, Điểm 3.1 đến 3.6 phụ lục 7, Thông tư 12/2011/TT-BTNMT).

- Giám sát chặt chẽ, hạn chế việc rò rỉ dầu ra môi trường từ các thiết bị điện đang vận hành, đang lưu giữ trong kho.

- Dầu cách điện có chứa PCB nếu đốt thông thường sẽ sản sinh ra các khí độc là dioxin và furan, những chất này là tác nhân gây ung thư, đột biến gen trong cơ thể con người, do vậy không được phép đốt dầu thải, hoặc các vật liệu trong thiết bị điện như giấy, gỗ bị ngấm dầu có chứa PCB.

- Có biện pháp cô lập, khoanh vùng những thiết bị biết chắc có dầu PCB để tránh lây nhiễm chéo sang các thiết bị, dụng cụ khác.

Có kế hoạch quan trắc định kỳ nhằm thực hiện đúng cam kết bảo vệ môi trường đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp phát hiện mức độ ô nhiễm vượt quá giới hạn cho phép, đơn vị phải tổ chức tìm ngay nguyên nhân và có biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời.

CHƯƠNG IX: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN

IX.1. Cơ sở pháp lý lập tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư cho “dự án đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất và bảo quản máy biến thế” được lập dựa trên các phương án thiết kế cơ sở của dự án và các căn cứ sau đây :

- ✓ Luật Xây dựng số 38/2008/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- ✓ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về việc Quản lý chất lượng công trình xây dựng và Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/04/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 2009/2004/NĐ-CP;
- ✓ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về việc Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
- ✓ Thông tư số 05/2007/TT-BXD ngày 27/05/2007 của Bộ Xây dựng về việc “Hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình”;
- ✓ Thông tư 18/2008/TT-BXD bổ sung một số phương pháp xác định chi phí xây dựng trong dự toán xây dựng công trình tại Thông tư 05/2007/TT-BXD do Bộ Xây dựng ban hành.
- ✓ Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế giá trị gia tăng;
- ✓ Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành Nghị định số 123/2008/NĐ-CP;
- ✓ Thông tư 130/2008/TT-BTT ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp.
- ✓ Thông tư số 02/2007/TT-BXD ngày 14/2/2007. Hướng dẫn một số nội dung về: lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; giấy phép xây dựng và tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- ✓ Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng kèm theo Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng;
- ✓ Thông tư 33/2007/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 09 tháng 04 năm 2007 hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;
- ✓ Thông tư 203/2009/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 20 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;
- ✓ Các văn bản khác của Nhà nước liên quan đến lập Tổng mức đầu tư, tổng dự toán và dự toán công trình.
- ✓ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình .
- ✓ Thông tư 04/2010/TT-BXD hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành.

Và các văn bản khác của Nhà nước liên quan đến lập Tổng mức đầu tư, tổng dự toán và dự toán công trình.

IX.2. Tổng mức vốn đầu tư ban đầu

IX.2.1 Nội dung

Mục đích của tổng mức đầu tư là tính toán toàn bộ chi phí đầu tư vào “dự án nâng cấp dây chuyền sản xuất và bảo quản máy biến thế” làm cơ sở để lập kế hoạch và quản lý vốn đầu tư.

Dự án: Đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất và Bảo quản máy biến thế

Tổng chi phí đầu tư bao gồm chi phí xây lắp công trình, máy móc trang thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và khoản chi phí dự phòng. Tổng các khoản chi phí này sẽ là tổng định mức vốn đầu tư ban đầu.

(1) Chi phí xây lắp

Các hạng mục xây dựng của dự án bao gồm :

ĐVT: 1,000 đồng

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Đơn giá xây dựng	Giá trị trước thuế	Thuế VAT	Giá trị sau thuế	Ghi chú
1	Kho chứa máy 1 pha						Đã xây dựng
2	Kho chứa máy 3 pha						Chuẩn bị
3	Cải tạo kéo dài phân xưởng sửa chữa						Chuẩn bị
4	Cải tạo phân xưởng biến thế 3						Chuẩn bị
	TỔNG CỘNG						

(2) Chi phí đầu tư trang thiết bị máy móc

Các chi phí này đã bao gồm chi phí mua sắm thiết bị; chi phí vận chuyển, thuế và các loại phí có liên quan.

ĐVT:

1,000 đồng

Stt	Tên Hạng Mục	Sl	Đơn giá	Giá trị trước thuế	Thuế VAT	Giá trị sau thuế	Ghi chú
1	Hệ thống chiếu sáng, tủ điện						Đã lắp đặt
2	Cầu trục dầm đơn 3 tấn cho kho chứa máy 1 pha	1					
3	Cầu trục dầm đơn 5 tấn cho Phân xưởng biến thế 3	1					Chuẩn bị
4	Cầu trục dầm đơn 5 tấn	1					Chuẩn bị
	TỔNG CỘNG						

(3) Chi phí quản lý dự án:

▪ Chi phí quản lý dự án tính theo Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình.

Dự án: Đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất và Bảo quản máy biến thế

Chi phí quản lý dự án bao gồm các chi phí để tổ chức thực hiện các công việc quản lý dự án từ giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án đến khi hoàn thành nghiệm thu bàn giao công trình vào khai thác sử dụng, bao gồm:

- Chi phí tổ chức lập dự án đầu tư.
- Chi phí tổ chức thẩm định dự án đầu tư, tổng mức đầu tư; chi phí tổ chức thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình.
- Chi phí tổ chức lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng;
- Chi phí tổ chức quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ và quản lý chi phí xây dựng công trình;
- Chi phí tổ chức đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường của công trình;
- Chi phí tổ chức nghiệm thu, thanh toán, quyết toán hợp đồng; thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình;
- Chi phí tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình;
- Chi phí khởi công, khánh thành;
- ➔ Chi phí quản lý dự án = (GXL+GTB)*2.657% = 111,585,000 đồng
- ➔ Chi phí này đã bao gồm VAT = 122,744,000 đồng

GXL: Chi phí xây lắp

GTB: Chi phí thiết bị, máy móc

(4) Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: bao gồm các khoản chi phí :

(5) Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm các chi phí cần thiết không thuộc chi phí xây dựng; chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn đầu tư xây dựng nói trên:

- Chi phí bảo hiểm xây dựng = GXL x 0.7% = 17,968,000 đ
- Chi phí kiểm toán = (GXL +GTB) x 0.5% = 20,998,000 đ
- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư = (GXL+GTB)*0.32% = 13,439,000 đ
- Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường = 30,000,000 đ
- ➔ Chi phí khác = 82,405,000 đồng
- ➔ Chi phí này đã bao gồm VAT = 90,645,000 đồng

(6) Chi phí dự phòng = TỔNG CHI PHÍ ĐẦU TƯ = (1)+(2)+(3)+(4)+(5)+(6) = 5,311,276,000 đồng.

IX.2.2 Kết quả tổng mức đầu tư của dự án

Bảng tổng hợp định mức vốn đầu tư của dự án (ĐVT:1,000đ)

STT	Hạng mục	GT trước thuế	GT sau thuế	Ghi chú
I	Đầu tư xây dựng nhà xưởng			Gxl
II	Chi phí thiết bị máy móc			Gtb
III	Chi phí quản lý dự án			Gqlđa
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng			Gtv
4.1	Chi phí lập dự án			
4.2	Chi phí thiết kế			

Dự án: Đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất và Bảo quản máy biến thế

4.3	Chi phí lập HSMT xây lắp			
4.4	Chi phí lập HSMT mua sắm thiết bị			
4.5	Chi phí giám sát thi công xây lắp			
4.6	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị			
V	Chi phí khác			Gk
5.1	Chi phí bảo hiểm xây dựng			
5.2	Chi phí kiểm toán			
5.3	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán			
5.4	Chi phí đánh giá tác động môi trường			
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG			Gdp
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ				

Như vậy, tổng nguồn vốn cần đầu tư là Năm tỷ ba trăm mười một triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn đồng. Kế hoạch huy động và sử dụng nguồn vốn được thực hiện như phần sau.

CHƯƠNG X: NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN

X.1. Cấu trúc nguồn vốn và phân bổ vốn đầu tư

ĐVT: 1,000 đồng

STT	Khoản mục chi phí	Thành tiền trước thuế	Thuế VAT	Thành tiền sau thuế
1	Chi phí xây dựng			
2	Chi phí thiết bị			
3	Chi phí quản lý dự án			
4	Chi phí tư vấn đầu tư			
5	Chi phí khác			
6	Dự phòng phí			
	TỔNG CỘNG			

X.2. Tiến độ thực hiện và sử dụng vốn của dự án

Tiến độ thực hiện và triển khai của dự án gồm các bước như sau:

- ✓ Hoàn thành các thủ tục và giải ngân nguồn vốn
- ✓ Khởi công và xây dựng công trình
- ✓ Lắp đặt thiết bị vận hành thử
- ✓ Đi vào hoạt động chính thức

Bảng tiến độ dự kiến triển khai dự án

Công việc	Thời gian thực hiện			
	<i>Tháng 10/2011-12/2011</i>	<i>Tháng 12/2011- 3/2012</i>	<i>Tháng 3/2012 – 6/2012</i>	<i>Tháng 6/2012</i>
Công tác chuẩn bị đầu tư				
Xây dựng nhà xưởng				
Lắp đặt máy móc thiết bị				
Đi vào hoạt động				

Dự án: Đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất và Bảo quản máy biến thế

Theo đó, tiến độ sử dụng vốn được thực hiện như sau :

Thời gian	Quý IV/2011	Quý I/2012	Quý II/2012	TỔNG
Hạng mục				
Chi phí xây dựng				
Chi phí thiết bị				
Chi phí quản lý dự án				
Chi phí tư vấn đầu tư				
Chi phí khác				
Dự phòng phí				
CỘNG				

X.3. Nguồn vốn thực hiện dự án

Nguồn vốn đầu tư là từ 100% vốn chủ sở hữu. Trong đó:

Nguồn vốn trích từ tài khoản đơn vị chiếm 25% tổng đầu tư tương đương số tiền là 1,351,645,000 đồng.

Căn cứ kế hoạch sử dụng vốn của Công ty, phần vốn còn lại kỳ vọng sẽ được giải ngân từ khoảng hỗ trợ đền bù, giải tỏa mặt bằng tại số 08 Hàm Tử, phường 1, quận 5 của Công ty trong dự án Đại Lộ Đông Tây với số tiền là 3,997,229,00 đồng - hiện nay đang trong tài khoản tạm giữ.

Bảng cơ cấu nguồn vốn

Hạng mục	TỔNG CỘNG	Tỷ lệ
Tài khoản đơn vị		
Tài khoản tạm giữ		
Cộng		

X.4. Đánh giá ảnh hưởng kinh tế - xã hội

- Dự án góp phần nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý kỹ thuật và công nhân với hệ thống sản xuất và bảo quản máy biến thế được nâng cấp mới.
- Dự án giúp tạo được công ăn việc làm cho người lao động và nâng cao doanh thu cho chủ đầu tư.
- Đóng góp vào ngân sách của nhà nước bằng thuế thu nhập, thuế GTGT.

CHƯƠNG XI: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

XI.1. Kết luận

Theo các chuyên gia, trang thiết bị điện chiếm khoảng 10% giá thành của công trình xây dựng và có xu hướng ngày càng tăng và hiện nay nguồn cung đang ít hơn so với cầu. Do đó, việc thực hiện [Dự án](#) Đầu tư nâng cấp dây chuyên sản xuất và Bảo quản máy biến thế tại Quận ... góp phần đáng kể trong việc tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống của người dân địa phương. Bên cạnh đó, việc mở rộng nhà xưởng, kho thành phẩm và nâng cấp dây chuyên sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường thiết bị điện thì nó còn góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách Quốc gia và lợi nhuận của công ty, góp phần nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý kỹ thuật và công nhân thích ứng với công nghệ hiện đại, công nghệ tự động để tăng khả năng hội nhập với nền khoa học, công nghệ thế giới.

Chúng tôi khẳng định đây là một dự án mang tính khả thi và đặc biệt cần thiết trong giai đoạn thị trường hiện nay. Đồng thời, nó là một mục tiêu lớn của trong chiến lược nâng cao giá trị thương hiệu bằng tiềm lực của mình nhằm phát triển bền vững trong giai đoạn sắp tới.

XI.2. Kiến nghị

Căn cứ kết quả nghiên cứu và phân tích, việc mở rộng và nâng cấp dây chuyên sản xuất, bảo quản máy biến thế là một dự án có hiệu quả kinh tế cao, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân, đáp ứng được nhu cầu và lợi ích kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, dự án còn đẩy mạnh nội địa hóa và phát triển thị trường nước ngoài. Do vậy chúng tôi xin đề xuất một số ý kiến sau:

- Tạo điều kiện thuận lợi về đất đai, các thủ tục pháp lý, trình tự cấp phát nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng dự án
- Ưu đãi và kinh phí vay vốn, nhanh chóng quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ để [dự án](#) được triển khai trong thời gian sớm nhất.

Cuối cùng, kính trình Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam và các ban ngành có liên quan sớm xem xét và phê duyệt để dự án sớm được triển khai và đi vào hoạt động nhằm nhanh chóng mang lại những hiệu quả kinh tế xã hội nói trên.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Tp. HCM, ngày tháng năm 2011

CTHĐQT.